



BỘ TƯ PHÁP



HỘI TƯ PHÁP LÝ
LIÊN NGÀNH



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁP LUẬT VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

**THỰC HÀNH
KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM
VÀ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
CẦN QUAN TÂM**

HÀ NỘI, THÁNG 11 NĂM 2023

MỤC LỤC

01

Một số nội dung trọng tâm về hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027

ThS. Lưu Kế Trường

06

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong tuyển dụng và việc làm dành cho lao động di cư nội địa

ThS. Đỗ Hà Anh

11

Các điển hình thực tế tại Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm và bài học kinh nghiệm

ThS. Hoàng Thái Hưng

16

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong ngành sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động

ThS. Đỗ Hà Anh

22

Bảo vệ dữ liệu cá nhân, những vấn đề pháp lý đặt ra đối với doanh nghiệp

ThS. Phạm Thu Hằng

31

Hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với Cơ quan nhà nước

ThS. Nguyễn Thị Thủy Tiên

37

Các giải pháp nâng cao nhận thức thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam.

LS. Lê Chí Vịnh

42

Nâng cao vai trò của các tổ chức đại diện doanh nghiệp trong việc thúc đẩy doanh nghiệp hội viên thực hành kinh doanh có trách nhiệm

ThS. Bùi Thị Huyền

46

Sử dụng lao động khuyết tật, những vấn đề pháp lý doanh nghiệp cần quan tâm và đề xuất, kiến nghị

ThS. Vũ Hải Việt

53

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

ThS. Bùi Hoàng Lâm

Ls. Nhà báo Trần Văn Chương

63

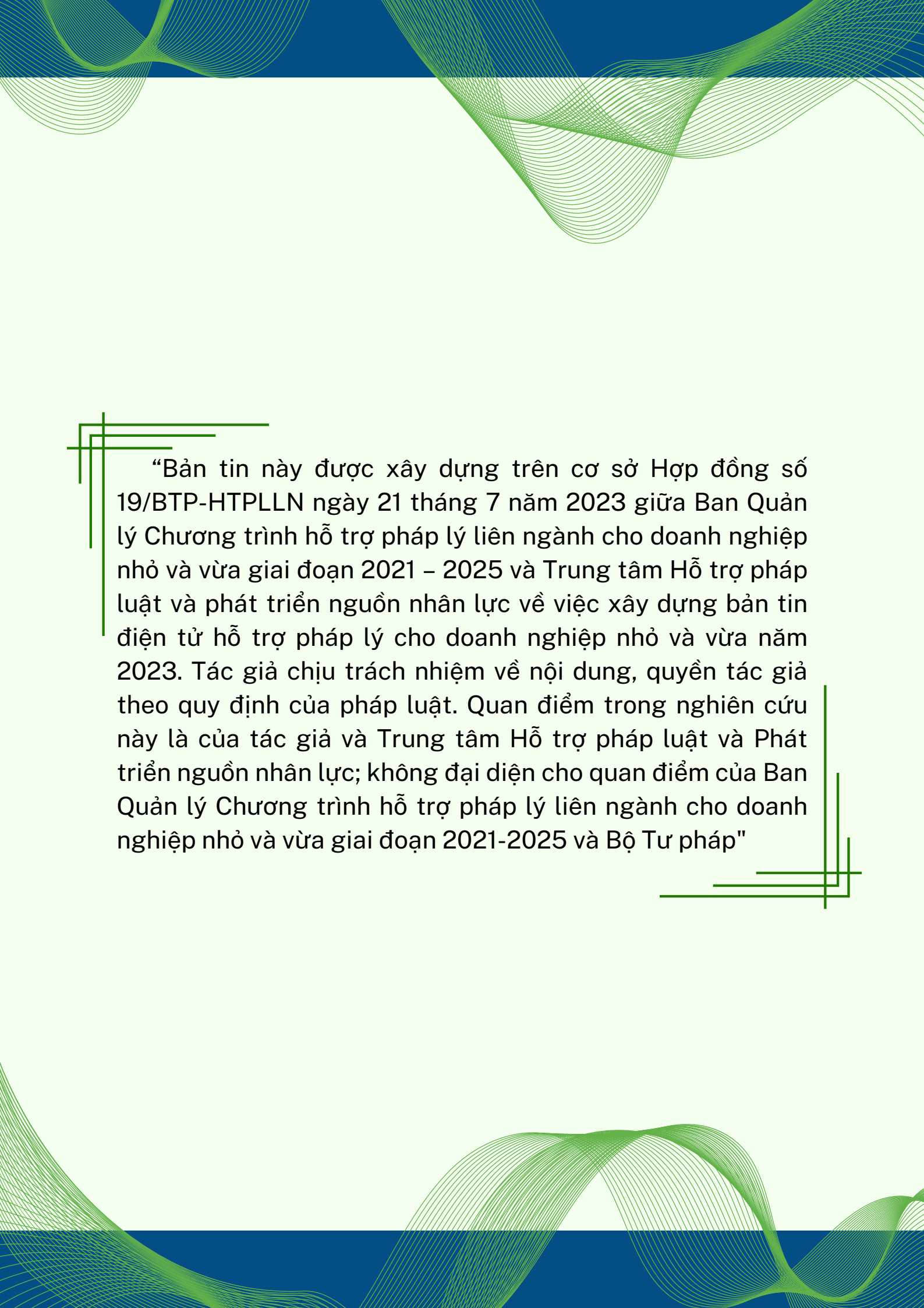
Kinh nghiệm triển khai các chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Dương Minh Phúc

68

Chỉ số kinh doanh liên chính và những điều doanh nghiệp cần biết

ThS. Bùi Thị Huyền



“Bản tin này được xây dựng trên cơ sở Hợp đồng số 19/BTP-HTPLLN ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 – 2025 và Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và phát triển nguồn nhân lực về việc xây dựng bản tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung, quyền tác giả theo quy định của pháp luật. Quan điểm trong nghiên cứu này là của tác giả và Trung tâm Hỗ trợ pháp luật và Phát triển nguồn nhân lực; không đại diện cho quan điểm của Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 và Bộ Tư pháp”

GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP LÝ LIÊN NGÀNH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 – 2025

Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 – 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2021. Mục tiêu tổng thể của Chương trình là: (i) triển khai đồng bộ, hiệu quả, công khai, minh bạch, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực; (ii) định hướng cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của các bộ, ngành, địa phương; (iii) nâng cao hiểu biết, ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy sự tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật kịp thời nhằm phục vụ doanh nghiệp phát triển, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Nhóm các hoạt động chính của Chương trình:

- Nhóm hoạt động cung cấp thông tin pháp lý;
- Nhóm hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật;
- Nhóm hoạt động tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM VỀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NHẪM THÚC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2023 - 2027

ThS. Lưu Kế Trường
Khoa Luật, Đại học Lao động - Xã hội



Ảnh minh họa
Nguồn: baohinhphu.vn

Hiện nay, việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm đã là xu thế tất yếu và mang tính bắt buộc đối với mỗi doanh nghiệp trên thế giới. Thực hành kinh doanh có trách nhiệm đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật mà còn phải có các hoạt động nhằm ngăn ngừa và giải quyết các tác động tiêu cực đến con người và trái đất có khả năng đóng góp cho xã hội và sự phát triển bền vững trên phạm vi rộng lớn. Đây là trách nhiệm chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhà nước và xã hội cũng phải có trách nhiệm để thúc đẩy

và bảo đảm thực thi trên thực tế.

1. Nhận thức chung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Hiện nay, trên thế giới ngày càng có nhiều kỳ vọng vào các doanh nghiệp hoạt động có trách nhiệm và bền vững - Trọng tâm của vấn đề này là tôn trọng quyền con người. Vào năm 2011, khi Hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc đã thông qua bộ nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp quốc về Kinh doanh và quyền con người (UNDP) thì các Chính phủ, doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức xã hội dân sự

và công đoàn ngày càng tập trung nhiều vào hành vi kinh doanh có trách nhiệm. Bộ nguyên tắc này bao gồm 31 nguyên tắc và được thể hiện qua ba nhóm trụ cột chính. Cụ thể: Nhóm 1 liên quan đến nghĩa vụ của nhà nước trong việc phát triển doanh nghiệp và bảo vệ con người (bao gồm 10 nguyên tắc); nhóm 2 liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc thực thi, đảm bảo đúng quy định pháp luật và bảo vệ quyền con người (bao gồm 14 nguyên tắc); nhóm 3 liên quan đến những biện pháp khắc phục hậu quả của hành vi sai phạm và cách thức tiếp cận (bao gồm 7 nguyên tắc).

Kinh doanh có trách nhiệm là xu hướng kinh doanh tất yếu của doanh nghiệp. Nó tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội. Trong đó có quan tâm đến vấn đề bảo đảm quyền lợi của người lao động, người tiêu dùng hiện nay.

Theo Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), thực hành kinh doanh có trách nhiệm (RBP) là các công việc thực hành nhằm ngăn ngừa và giải quyết các tác động tiêu cực đến con người và trái đất, có khả năng đóng góp cho xã hội và sự phát triển bền vững trên phạm vi rộng hơn. Việc thực hiện công tác này trong bối cảnh hiện nay ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu với việc phê chuẩn và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trải rộng và phức tạp cũng như những thách thức mà xã hội phải đối mặt với phát triển bền vững¹.

¹ Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp tỉnh Nam Định, Thực hành kinh doanh có trách nhiệm - Nhìn từ thực tiễn thi hành pháp luật, <https://sotuphap.namdinh.gov.vn/tin-hoat-dong-pbpl/thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-nhin-tu-thuc-tien-thi-hanh-phap-luat-185023>

Hiện nay, khả năng nhận thức của các doanh nghiệp tại Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm vẫn còn thấp. Những doanh nghiệp nằm trong chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam hầu hết mới dừng ở việc tuân thủ các quy định của pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm nhằm đảm bảo các yêu cầu về hợp đồng trong kinh doanh. Nhưng tính chủ động của doanh nghiệp trong việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm nhằm đem lại động lực, giá trị, thương hiệu cho doanh nghiệp thì còn hạn chế ở đa số các doanh nghiệp hiện nay. Trong bối cảnh đó, Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành ngày 14/7/2023 về Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027. Mục tiêu lớn nhất của Chương trình nhằm nâng cao nhận thức, năng lực; rà soát và hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành chính sách, pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam trong giai đoạn 2023 - 2027 để phát huy các mặt tích cực và giảm thiểu các mặt tiêu cực của các hoạt động phát triển kinh tế, kinh doanh đối với xã hội, môi trường qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

2. Một số nội dung trọng tâm về hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam đã có hệ thống quy phạm pháp luật khá chặt chẽ về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, nhiều

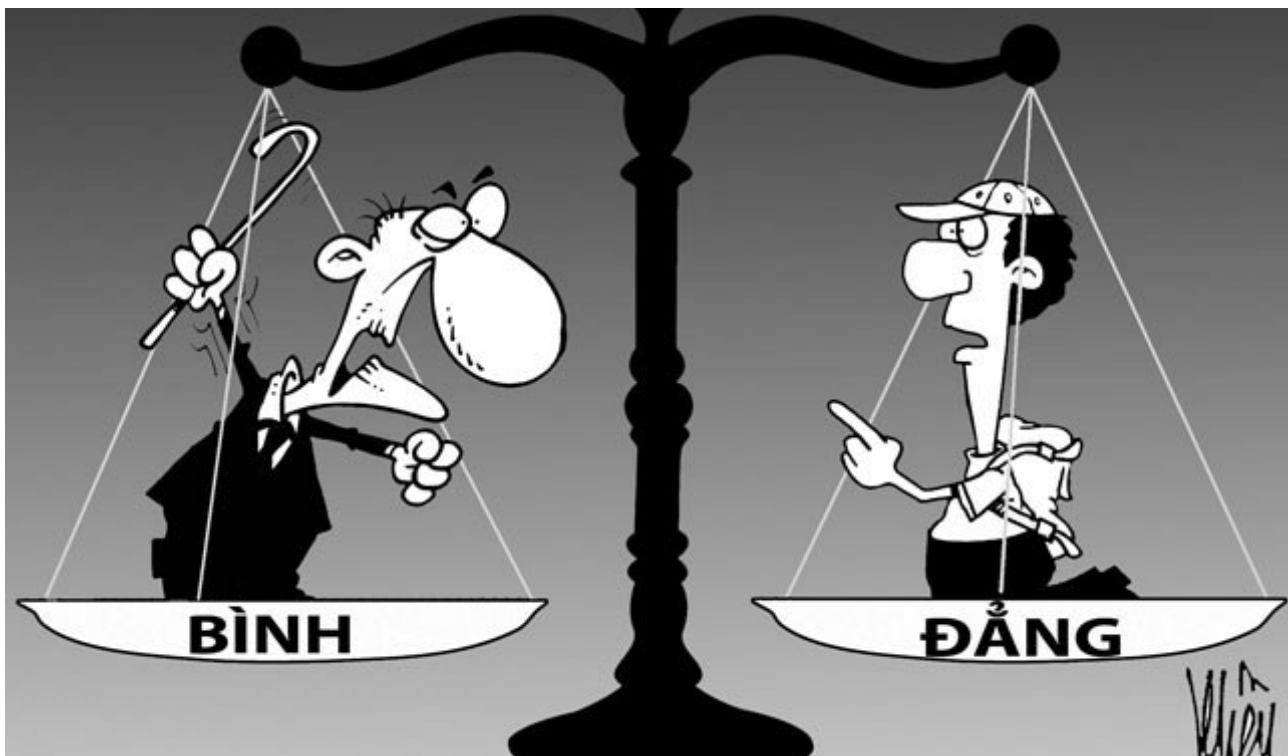
chính sách, hành lang pháp lý đã được ban hành để hướng doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm đối với nền kinh tế, môi trường và xã hội, ví dụ như Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), Bộ Luật Lao động, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... Mặt khác, thực hành kinh doanh có trách nhiệm của các doanh nghiệp đang được Đảng và nhà nước ta quan tâm nhằm nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế thì việc hoàn thiện chính sách và pháp luật là nội dung trọng tâm.

Việc hoàn thiện chính sách và pháp luật thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam cần bám sát quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động tăng cường hội nhập quốc tế, phát triển bền vững; thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc và Nghị quyết

số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới². Bên cạnh đó, các chính sách và pháp luật của Việt Nam cần bảo đảm phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam tại các khuôn khổ hợp tác kinh tế song phương và đa phương, đặc biệt là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương. Dưới đây là một số nội dung trọng tâm. Cụ thể:

Một là, nâng cao khả năng nhận thức của doanh nghiệp và đảm bảo thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp về thực

2 Bộ Công thương Việt Nam, Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/nang-cao-hieu-qua-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-thuc-day-kinh-te-phat-trien-nhanh-va-ben-vung-giai-doi-2023-2030.html>



Ảnh minh họa

Nguồn: nhanquyenvn.org

hành kinh doanh có trách nhiệm.

Cần tăng cường tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực cho cơ quan, tổ chức có liên quan và cộng đồng doanh nghiệp, người dân về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Đồng thời, cần nâng cao năng lực chuyên môn của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, của điều tra viên, đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, năng lực tư vấn pháp luật của đội ngũ luật sư trong các hoạt động liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Bên cạnh đó, cần xây dựng các chương trình, chuyên đề, chuyên mục để tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành kinh doanh có trách nhiệm để phát trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, cần lồng ghép, bổ sung nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong các học phần giảng dạy về chính sách, pháp luật liên quan đến kinh doanh trong các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo luật, kinh tế.

Hai là, hoàn thiện pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

- Đối với lĩnh vực đầu tư: Các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật, đặc biệt là Luật Đầu tư (sửa đổi) nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong hoạt động đầu tư.

- Đối với lĩnh vực lao động: Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các luật, quy định liên quan đến phúc lợi của người lao động trong quan hệ lao động, bảo đảm tương thích với các tiêu chuẩn lao động quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Đồng thời, cần nghiên cứu xây dựng chính sách về bảo vệ việc làm, đào tạo lại người lao động và bảo vệ quyền lợi của người lao động trong mối quan hệ



Ảnh minh họa

Nguồn: Internet

với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần tiến hành nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Luật Công đoàn và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhằm tăng tính vững chắc của tổ chức đại diện người lao động trong các doanh nghiệp.

- Đối với lĩnh vực bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương: Các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bình đẳng giới; chống phân biệt đối xử và bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương trong hoạt động kinh doanh nhằm bảo đảm tính khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, gồm: Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Người khuyết tật năm 2010, Luật Trẻ em năm 2016... và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra cần nghiên cứu, xây dựng mới Luật Chuyển đổi giới tính để triển khai thi hành Điều 37 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đối với lĩnh vực bảo vệ môi trường: Cần ban hành thêm một số văn bản pháp lý, ví dụ như văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xác định thiệt hại, bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực như gây ô nhiễm tiếng ồn, âm thanh, ánh sáng...

Tăng cường các giải pháp liên quan đến áp dụng các công cụ kinh tế liên quan đến bảo vệ môi trường. Điển hình là việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành luật địa chất và khoáng sản.

- Đối với lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng: Các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành thêm các văn bản hướng dẫn thi hành luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nghiên cứu xây dựng ban hành mới luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Đối với một số lĩnh vực khác liên quan: Cần nghiên cứu, rà soát pháp luật và đề xuất sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản có liên quan nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm bao gồm xây dựng các nguyên tắc về chứng cứ và trách nhiệm cung cấp chứng cứ trong hoạt động tố tụng dân sự và hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho bên yếu thế khi thực hiện quyền khiếu kiện tại Tòa án; ...). Bên cạnh đó, cần rà soát và đề xuất hoàn thiện Luật Trọng tài thương mại và các quy định của pháp luật có liên quan về hòa giải, giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm³.

Ba là, các doanh nghiệp cần có sự chủ động trong việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Các doanh nghiệp cần xây dựng quy chế quản lý nội bộ liên quan đến việc

thực hành kinh doanh có trách nhiệm như nội quy lao động, các yêu cầu, quy chế về môi trường và thường xuyên tập huấn doanh nghiệp nhằm thực hiện tốt các quy chế này.

Bên cạnh đó, các hiệp hội cần hỗ trợ cho doanh nghiệp điển hình là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng đã có các hướng dẫn liên quan đến hoạt động thực hành kinh doanh có trách nhiệm điển hình như các bộ quy tắc nội bộ để các doanh nghiệp thực hiện dễ dàng như kinh doanh liêm chính, ... Vì vậy, các hiệp hội khác cần thực hiện hỗ trợ cho các hội viên điển hình là xây dựng các bộ quy tắc mẫu để các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng áp dụng trong hoạt động kinh doanh trên thực tế.

Bốn là, nhà nước chỉ huy các bộ ngành, các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp triển khai các hoạt động về thể chế và tiếp cận pháp luật như: Tập huấn tăng cường năng lực, trình độ hiểu biết về thực hành kinh doanh có trách nhiệm; phát hành các cẩm nang, ấn phẩm giúp doanh nghiệp tiếp cận dễ dàng hơn bộ nguyên tắc về thực hành kinh doanh có trách nhiệm; doanh nghiệp có thể kết nối với các cơ quan có thẩm quyền để trao đổi, đối thoại, chia sẻ thông tin trong việc thực hiện tốt hơn việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm./.

³ Bùi Huyền, Hoàn thiện chính sách và pháp luật thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam trong giai đoạn mới, <https://danchuphapluat.vn/hoan-thien-chinh-sach-va-phap-luat-thuc-day-thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-tai-viet-nam-trong-giai-doan-moi>

THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TRONG TUYỂN DỤNG VÀ VIỆC LÀM DÀNH CHO LAO ĐỘNG DI CƯ NỘI ĐỊA

ThS. Đỗ Hà Anh
Đại học Luật Hà Nội

1. Khái niệm lao động di cư nội địa và sự cần thiết của thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với lao động di cư nội địa

Trong các cuộc điều tra dân số ở Việt Nam thì di cư được định nghĩa là *sự di chuyển của con người một đơn vị hành chính này đến một đơn vị hành chính khác, đó là chuyển đến một xã khác, huyện khác, thành phố hoặc một tỉnh khác trong một khoảng thời gian nhất định*¹. “Lao động di cư nội địa” là khái niệm để chỉ những người lao động di chuyển từ nơi cư trú ban đầu trong một quốc gia đến một địa phương khác trong cùng quốc gia, thường là từ khu vực nông thôn đến đô thị hoặc từ các vùng có kinh tế kém phát triển hơn đến các vùng phát triển hơn trong cùng phạm vi một quốc gia trong một thời gian nhất định với mục đích cụ thể, mà chủ yếu là lao động, làm việc. Họ có thể hướng tới việc tìm kiếm việc làm, cơ hội phát triển kinh tế hoặc điều kiện sống tốt hơn cho cá nhân, cho gia đình. Việc di chuyển của họ có thể tạm thời trong một thời gian ngắn hoặc lâu dài tùy thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan cũng như khách quan như nhu cầu, hoàn cảnh sống và thị trường lao động.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, lao động di cư từ nông thôn lên thành thị hay lao động di cư tập trung tại các khu công nghiệp là một xu thế tất yếu. Di cư là một

vấn đề kinh tế - xã hội, nó gắn liền với việc làm, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, cơ cấu dân số, môi trường, phát triển kinh tế...

Lao động di cư nội địa là hiện tượng đã và đang diễn ra phổ biến ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Đây vừa là nguyên nhân vừa là hệ quả của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đã đang trở thành sự lựa chọn của người dân nhằm cải thiện kế sinh nhai và tạo cơ hội làm ăn cho mình. Di cư nội địa cũng là một yếu tố quan trọng, là động lực tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phân bổ lại dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế lao động, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, là một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Chính phủ. Cùng với sự phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại tập trung ở các thành thị, tỉ lệ người lao động di cư nội địa có xu hướng ngày càng gia tăng.

Người lao động di cư cần được bảo đảm đầy đủ các quyền liên quan đến an sinh xã hội, lao động và cuộc sống. Doanh nghiệp cần thực hiện các chính sách tuyển dụng và quản lý nhân sự một cách toàn diện, với mục tiêu bảo đảm sự công bằng và an toàn trong môi trường làm việc. Điều này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội mà còn là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp hỗ trợ lao động di

¹ Nguồn <https://plkt.hlu.edu.vn/SubNews/Details/16836>

cư nội địa không chỉ không chỉ thúc đẩy sự công bằng, ngăn chặn việc kỳ thị và lợi dụng trong lao động, là một việc làm đúng đắn và có ý nghĩa mà còn góp phần tạo nên một nền kinh tế bền vững hơn.

2. Chính sách thực hành có trách nhiệm đối với lao động di cư nội địa

Lao động di cư nội địa không đơn thuần là sự dịch chuyển dân số, phân bố lại dân cư ở địa phương trong nước mà là quá trình tổ chức lại môi trường sống của con người và vì thế làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội. Nếu quá trình tổ chức và tạo việc làm cho những lao động này được thực hiện tốt với các công cụ quản lý và hỗ trợ phù hợp sẽ tạo cơ hội để lao động di cư nội địa tìm kiếm những cơ hội mới, thoát nghèo và thay đổi cuộc sống, từ đó có đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và quốc gia. Nhận thức rõ được điều này nên các quốc gia đã ban hành nhiều chính sách, quy định pháp luật điều chỉnh đối với lao động di cư nội

địa, trong đó đặc biệt chú trọng các bảo đảm pháp lý thực hiện quyền của loại hình lao động này.

Trong nỗ lực hướng tới sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã không ngừng được củng cố để bảo vệ quyền lợi của người lao động, trong đó có lao động di cư nội địa. Các chính sách này điều chỉnh các vấn đề quan trọng như quyền về an sinh xã hội, tự do việc làm, bảo đảm về sinh kế và thu nhập, quyền về nơi cư trú và tự do đi lại, học tập, tiếp cận thông tin và thụ hưởng văn hóa. Theo đó, các chính sách hướng doanh nghiệp tới việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong tuyển dụng và việc làm dành cho lao động di cư nội địa phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Đây là những bước tiến quan trọng, phản ánh sự cam kết của Việt Nam trong việc thúc đẩy các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm và tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho lao động di cư,



Ảnh: Người lao động di cư về làm việc tại các khu công nghiệp lớn

Nguồn: T.K

góp phần vào sự tiến bộ chung của xã hội.

Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có những điều chỉnh cụ thể thông qua các văn bản như Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn vệ sinh lao động,... góp phần hướng doanh nghiệp đến trách nhiệm với môi trường và xã hội. Điển hình là Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm giai đoạn 2023 - 2027 (kèm theo Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/7/2023).

Trên thực tế, các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tuyển dụng, sử dụng lao động di cư nội địa có trách nhiệm thường tuân thủ các nguyên tắc như không phân biệt đối xử, cung cấp điều kiện làm việc an toàn và công bằng thực hiện các biện pháp hỗ trợ cụ thể như cung cấp thông tin và hỗ trợ pháp lý liên quan đến việc di cư và làm việc và tạo cơ hội được đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho họ. Một số doanh nghiệp lớn, các khu công nghiệp còn cung cấp cả chỗ ở, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt của cá nhân và gia đình của lao động di cư nội địa.

3. Những bất cập và biện pháp nâng cao việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp đối với lao động di cư nội địa

Hiện nay, những vướng mắc, thách thức chủ yếu trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với lao động di cư nội địa mà các doanh nghiệp nước ta thường gặp phải là:

Thứ nhất, doanh nghiệp không bảo đảm đầy đủ quyền lợi của lao động di cư. Cụ thể, các công ty có thể lợi dụng việc lao động di cư nội địa là người đến từ vùng nông thôn, trình độ hiểu biết và kiến

thức, sự va chạm xã hội hạn chế để “lách” luật, không cung cấp điều kiện làm việc đúng mức hoặc không bảo đảm quyền lợi cơ bản theo quy định của pháp luật cho lao động di cư. Ví dụ: không cung cấp các biện pháp an toàn lao động, không trả lương đúng hạn, hoặc không cung cấp hợp đồng lao động rõ ràng, điều này gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động di cư. Rõ ràng, nhìn vào thực tế nước ta, việc tiếp cận các quyền cơ bản (an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, lương thưởng...) của lao động di cư nhìn chung không có sự ngăn cấm nhưng ít nhiều vẫn tồn tại những rào cản. Ngoài ra, hiện tượng bóc lột lao động cũng còn tồn tại thông qua việc sử dụng lao động trẻ em, cưỡng bức làm việc trong môi trường và điều kiện không bảo đảm nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Thứ hai, doanh nghiệp chưa thực sự tạo ra môi trường làm việc bình đẳng cho lao động di cư. Một bộ phận các doanh nghiệp sẽ “e ngại” trong việc giao những công việc, trọng trách quan trọng cho người lao động di cư cũng như hạn chế việc khen thưởng hay cho họ cơ hội thăng tiến một cách công bằng. Lý do đưa ra là các chủ sử dụng lao động cho rằng, những người lao động di cư không có đủ nền tảng giáo dục và kỹ năng chuyên môn tốt. Sự bất bình đẳng này còn thể hiện ở thái độ thiên vị khi tuyển dụng và chấm dứt quan hệ lao động. Ví dụ: Một công ty có thể áp dụng các chính sách phúc lợi khác nhau giữa lao động bản địa và lao động di cư.

Thứ ba, vấn đề hội nhập của lao động di cư. So với những người lao động khác, người lao động di cư phần nào thiếu cơ hội phát triển sự nghiệp và ít nhiều phải chịu sự kỳ thị tại nơi làm việc. Một số



*Ảnh: Sau dịch Covid-19, hàng trăm nghìn người các tỉnh đã rời thành phố
(Nguồn: Hải Long)*

doanh nghiệp không cung cấp đủ thông tin, không hỗ trợ cho lao động di cư để họ hiểu hết về quyền lợi và nghĩa vụ của mình, hoặc không cung cấp chính sách đào tạo nâng cao kỹ năng mềm, trình độ chuyên môn để thích nghi với môi trường làm việc. Điều này càng làm tăng khó khăn trong vấn đề hội nhập của lao động di cư, khi họ không chỉ thiếu cơ hội phát triển nghề nghiệp mà còn phải đối mặt với những định kiến tại nơi làm việc

Thứ tư, công tác quản lý nhà nước về lao động di cư nội địa chưa nghiêm, còn nhiều “khoảng hở”. Ở các một số tỉnh, vẫn còn tồn tại tình trạng doanh nghiệp chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ Luật lao động, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động như không thông báo hằng tháng tình trạng biến động lao động (đặc biệt là lao động di cư) với cơ quan quản lý nhà nước về lao động;

không thực hiện báo cáo tình hình sử dụng lao động, tình hình tai nạn lao động, công tác an toàn vệ sinh lao động... Lực lượng thanh tra lao động và cán bộ quản lý nhà nước về lao động còn mỏng, khối lượng công việc nhiều, tần suất thanh tra, kiểm tra thấp, chưa kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các doanh nghiệp cố tình vi phạm pháp luật lao động.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế hiện nay, việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm đang ngày càng được các doanh nghiệp quan tâm, đặc biệt là trong lĩnh vực tuyển dụng và việc làm cho lao động di cư nội địa. Để cải thiện hiệu quả trong quá trình này, cần tập trung vào ba giải pháp chính:

Một là, không ngừng tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức về việc làm có trách nhiệm, đồng thời cải thiện việc chia sẻ thông tin giữa các cơ

quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

Hai là, việc sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật về lao động, an sinh xã hội và an toàn vệ sinh lao động là cần thiết để tạo môi trường pháp lý minh bạch và công bằng.

Ba là, hoàn thiện khung pháp lý cho thực hành kinh doanh có trách nhiệm là bước quan trọng, giúp doanh nghiệp Việt Nam hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế toàn cầu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Lao động năm 2019;
2. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
3. Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015;
4. Luật Doanh nghiệp năm 2020;
5. Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm giai đoạn 2023 - 2027 (kèm theo Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/7/2023);
6. <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/dao-tao-viec-lam/dao-tao-viec-lam/chinh-sach-viec-lam-cho-lao-dong-di-cu-55.html>;
7. <https://publications.iom.int/system/files/pdf/PUB2023-110-R-IOM-MWG-VI.pdf>;
8. <https://lsvn.vn/mot-so-van-de-lien-quan-den-dam-bao-viec-lam-cho-nguoi-lao-dong1612250867.html>;
9. <https://sotuphap.namdinh.gov.vn/tin-hoat-dong-pbpl/thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-nhin-tu-thuc-tien-thi-hanh-phap-luat-185023>.

CÁC ĐIỂN HÌNH THỰC TẾ TẠI VIỆT NAM VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

ThS. Hoàng Thái Hưng

Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Hà Nội

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật mà còn phải thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro đối với các yếu tố con người, xã hội và môi trường, đồng thời giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn, như: Phòng ngừa, giảm thiểu hoặc tiến hành biện pháp khắc phục thích hợp khi xảy ra các vi phạm. Đây là trách nhiệm chính của doanh nghiệp; tuy nhiên, Nhà nước và xã hội cũng có trách nhiệm để thúc đẩy và bảo đảm tuân thủ. Doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín của doanh nghiệp và cả quốc gia. Đồng thời, giúp giảm thiểu các rủi ro, nhất là rủi

ro pháp lý cho doanh nghiệp cũng như quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Ngoài ra việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm sẽ tạo lập sự nhất quán, đồng bộ trong hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến doanh nghiệp.

Nghiên cứu do Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP) đã thực hiện với gần 300 doanh nghiệp tại 30 tỉnh/thành phố cho thấy, mức độ nhận thức về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của các doanh nghiệp ở Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân vẫn còn thấp. Hầu hết, doanh nghiệp Việt Nam mới dừng ở việc tuân thủ thực hành kinh doanh có trách nhiệm vì “quy định của pháp luật”, mà chưa thấy rõ động lực,



*Hình minh họa
Nguồn: thmilk.vn*

lợi ích hoạt động này mang lại. Thực tế là vậy, nhưng vẫn có một số doanh nghiệp được coi là điển hình tiêu biểu cho việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam¹.

1. Điển hình thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Tập đoàn TH

Bà Hoàng Thị Thanh Thủy (Giám đốc Phát triển Bền vững Tập đoàn TH) đã từng phát biểu: Tại Tập đoàn TH thì kinh doanh có trách nhiệm được định nghĩa một cách rất đặc biệt. Nó gắn liền từ tư tưởng định hướng của nhà sáng lập đến hiện hữu thực tế trong chiến lược kinh doanh của Tập đoàn. Chính vì thế, từ tầm nhìn, định hướng, giá trị cốt lõi của mình, Tập đoàn TH đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững bao gồm 6 trụ cột quan trọng, cụ thể là: Dinh dưỡng - Sức khỏe, Môi trường, Giáo dục, Con người, Cộng đồng và Phúc lợi động vật. Xuất phát từ chiến lược phát triển bền vững của mình, Tập đoàn TH đã áp dụng trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh. Điều này đã trở thành một phần thiết yếu của Tập đoàn, không chỉ vì nghĩa vụ mà còn vì niềm tin và đam mê cống hiến, đóng góp những điều tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Trong lĩnh vực môi trường, tôn chỉ của Tập đoàn TH trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn đặt tiêu chí bảo đảm an toàn môi trường lên hàng đầu. Vì vậy, “*thân thiện với môi trường*” là một giá trị cốt lõi của Tập đoàn TH và sản phẩm của Tập đoàn TH. Trụ cột môi trường là một trong sáu trụ cột của chính sách phát

triển bền vững. Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm chất thải, cùng hướng tới mục tiêu Net-zero² của Việt Nam được cụ thể hóa các hành động cụ thể trong mỗi quy trình làm việc tại tất cả các trang trại, nhà máy của Tập đoàn TH.

Trong quá trình sản xuất, Tập đoàn TH đã áp dụng đồng bộ các hệ thống giải pháp công nghệ trong sản xuất nhằm giảm lượng chất thải được cụ thể hóa rõ nét trong việc giảm thiểu nhựa và sử dụng năng lượng sạch. Tập đoàn đã đầu tư, cải tiến công nghệ, để giảm thiểu lượng nhựa sử dụng mà vẫn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn cao nhất về bao bì thực phẩm, đồ uống. Trung bình mỗi năm nhà máy sẽ giảm hơn 500 tấn nhựa cho tất cả các dòng sản phẩm nhờ ứng dụng các giải pháp chủ động giảm nhựa, từ đó góp phần giảm lượng rác thải nhựa ra môi trường. Ngoài việc giảm thiểu nhựa, Tập đoàn TH còn chủ động chuyển đổi xanh với hàng loạt sáng kiến phát triển bền vững nguồn năng lượng sạch. Điển hình là việc xây dựng và phủ kín mái nhà tại các trang trại của tập đoàn bằng pin năng lượng mặt trời. Không chỉ tiên phong đầu tư sản xuất “*điện sạch*” từ nguồn năng lượng mặt trời. Trong nhiều năm qua, Tập đoàn TH còn chủ động nghiên cứu và áp dụng các giải pháp, sáng kiến giảm phát thải khí nhà kính cũng như tiết kiệm nguồn điện cho quốc gia. Điển hình là giải pháp chuyển đổi từ đèn sợi đốt sang đèn led cho toàn bộ đèn chiếu sáng trong trang trại, nhà máy³.

² Net Zero được hiểu là cắt giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính xuống gần bằng 0 nhất có thể, với lượng khí thải còn lại được tái hấp thụ từ khí quyển bởi rừng và đại dương

³ Bảo Anh, Thực hành kinh doanh có trách nhiệm: Chia sẻ thực tiễn từ Tập đoàn TH, <https://vtc.vn/thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-chia-se-thuc-tien-tu-tap-doan-th-ar831807.html>

¹ Cổng thông tin điện tử Sở tư pháp tỉnh Nam Định, Thực hành kinh doanh có trách nhiệm - Nhìn từ thực tiễn thi hành pháp luật, <https://sotuphap.namdinh.gov.vn/tin-hoat-dong-pbpl/thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-nhin-tu-thuc-tien-thi-hanh-phap-luat-185023>

Đối với các lĩnh vực người lao động, người tiêu dùng, cộng đồng dân cư chịu tác động từ hoạt động kinh doanh luôn được tập đoàn TH quan tâm. Tập đoàn TH đã xây dựng ba trọng tâm: Xây dựng văn hóa làm việc hiệu suất cao; môi trường làm việc hạnh phúc; phát triển hệ thống quản trị nhân sự bền vững.

Đối với vấn đề về nhân sự, Tập đoàn TH đã ban hành những quy định, chính sách rõ ràng về nhân sự, phúc lợi, bảo đảm quyền được lên tiếng, sự bình đẳng, tôn trọng sự đa dạng và tổ chức rất nhiều các hoạt động ở cấp quy mô công ty thành viên cũng như quy mô Tập đoàn và thu hút sự hưởng ứng của nhân viên trên toàn tập đoàn.

Ngoài ra, Tập đoàn TH cũng đã góp phần tạo sinh kế cho người dân địa phương, đưa người nông dân vào chuỗi sản xuất, đóng góp phát triển kinh tế địa phương các vùng dự án.

2. Điển hình thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại doanh nghiệp Detech coffee

Detech Coffee ra đời vào năm 2012 đã nỗ lực không ngừng trên hành trình mang những trải nghiệm về giá trị thật của cà phê đến người tiêu dùng. Sau quá trình dài hoạt động và phát triển, Detech Coffee trở thành đơn vị sản xuất cà phê theo mô hình “từ nông trường đến tách cà phê” thứ 5 miền Bắc. Đồng thời công ty là đơn vị đối tác của các nhiều hệ thống cửa hàng cà phê trong và ngoài nước như Mỹ, Đức, Hàn Quốc...

Hoạt động với tầm nhìn trở thành đơn vị chế biến, cung cấp và xuất khẩu cà phê Việt Nam chất lượng cao, Detech Coffee mong muốn chấp cánh nâng cao thương hiệu, vai trò của cà phê Việt trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Detech Coffee xây

dựng doanh nghiệp trên niềm khát vọng về một cộng đồng cà phê bền vững. Vì vậy, ngay từ khi thành lập và trong hoạt động sản xuất, kinh doanh Detech Coffee luôn quan tâm đến vấn đề phát triển bền vững và lấy việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm làm nền tảng.

Từ năm 2018, Detech Coffee đã hỗ trợ tài chính và cộng tác với Healing Hearts Vietnam. Đây là một tổ chức phi lợi nhuận Mỹ. Tổ chức nhằm chẩn đoán bệnh và tài trợ phẫu thuật trẻ em Việt Nam có bệnh tim bẩm sinh. Bên cạnh đó, Detech Coffee là thành viên sáng lập của Liên minh Cà phê Phụ nữ Việt Nam (IWCA Việt Nam). Detech Coffee góp phần cải thiện sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số tại Việt Nam. Đặc biệt là phụ nữ. IWCA Việt Nam kết nối các công ty du lịch để tạo điều kiện cho phụ nữ của liên minh tham gia kinh doanh. IWCA cũng giới thiệu các giống cà phê mới cho các trang trại do phụ nữ làm chủ. Hướng dẫn họ trồng và thực hành canh tác tốt nhất. Từ đó, tạo ra chất lượng và số lượng sản lượng cà phê tốt nhất. IWCA Việt Nam cung cấp cho phụ nữ thêm cơ hội và thông tin. Hỗ trợ phụ nữ vươn lên làm chủ cuộc sống, cải thiện sự đại diện của nữ giới trong ngành cà phê.

Trong quá trình sản xuất, từ vùng nguyên liệu cho tới quy trình sản xuất luôn được thực hiện đúng quy trình, có sự bảo đảm chính xác về các chỉ số kỹ thuật, an toàn, thân thiện với môi trường. Các nhà máy sản xuất của Detech coffee luôn có hệ thống cấp thoát nước, nguồn nước sạch, môi trường sản xuất bảo đảm vệ sinh. Đặc biệt, công ty còn tập trung máy móc, thiết bị hiện đại trong công tác xử lý chất thải từ hoạt động sản xuất. Nhờ vậy, quy trình sản xuất của công ty luôn bảo đảm vấn đề môi trường.



Ảnh minh họa
 Nguồn: detechcoffee.vn

Các sản phẩm được sản xuất bởi Detech Coffee luôn được kiểm định chất lượng kỹ càng trước khi đưa ra thị trường nhằm bảo đảm quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng. Doanh nghiệp có đầy đủ các giấy chứng nhận Vệ sinh an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn không ngừng tự nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo tại Liên minh kiểm soát phòng ngừa an toàn thực phẩm trong kiểm soát phòng ngừa đối với thực phẩm của con người (FSPCA, Hoa Kỳ)...⁴ Tất cả những việc trên đều nhằm một mục đích duy nhất của doanh nghiệp là đặt lợi ích của người tiêu dùng lên hàng đầu, đưa tới người tiêu dùng những sản phẩm tốt nhất, có giá trị nhất.

3. Một số bài học kinh nghiệm từ một số điển hình tại Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Thông qua các tôn chỉ trong hoạt động

⁴ Detech coffee, Chứng nhận chất lượng, <https://detechcoffee.vn/chung-nhan-chat-luong>

sản xuất, kinh doanh của hai điển hình trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam có thể đúc rút ra một số bài học kinh nghiệm để các doanh nghiệp khác tại Việt Nam học hỏi nhằm thực hành kinh doanh có trách nhiệm đem lại hiệu quả cao. Cụ thể:

Thứ nhất, cần quy định rõ ràng tôn chỉ của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn với việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Trong đó đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, người lao động và người tiêu dùng.

Thứ hai, cần đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến nhằm ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, cần có hệ thống xử lý chất thải công nghiệp chuyên biệt và khép kín tạo ra mô hình sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường.

Thứ ba, cần có những quy định cụ thể, rõ ràng trong nội quy lao động, các thỏa ước lao động tập thể liên quan đến

thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Để người lao động luôn ở trạng thái tốt nhất khi tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Các chế độ, phúc lợi doanh nghiệp đối với người lao động cần ở mức phù hợp và công khai. Bên cạnh đó, người lao động tại doanh nghiệp luôn được hỗ trợ để nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề thông qua các khóa học, các buổi tập huấn. Từ đó,

người lao động sẽ có nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn giúp doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm được thuận lợi và đạt kết quả cao.

Thứ tư, các sản phẩm của doanh nghiệp cần có kiểm định chặt chẽ về khâu nguyên liệu đầu vào đến quá trình sản xuất và đánh giá sản phẩm sau khi hoàn thiện, luôn đặt lợi ích của người tiêu dùng lên hàng đầu./.

THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TRONG NGÀNH SẢN XUẤT, KINH DOANH SỬ DỤNG NHIỀU LAO ĐỘNG

ThS. Đỗ Hà Anh
Đại học Luật Hà Nội

1. Giới thiệu về thực hành kinh doanh có trách nhiệm và chính sách của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Kinh doanh có trách nhiệm là xu hướng kinh doanh tất yếu của doanh nghiệp trong thời đại mới, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội, trong đó có bảo đảm quyền lợi của người lao động, người tiêu dùng hiện nay. Thực hành kinh doanh có trách nhiệm (Responsible Business Practice - RBP) là một nội dung quan trọng nhằm đạt được mục tiêu kép về tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Liên Hợp quốc đã công bố Các nguyên tắc hướng dẫn về kinh doanh và quyền con người (UNGPs), nhằm thúc đẩy RBP trên quy mô toàn cầu và hướng tới hỗ trợ các quốc gia cụ thể hóa thành chương trình hành động của từng quốc gia.

Tại Việt Nam, vừa qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm giai đoạn 2023 - 2027 (kèm theo Quyết định số 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/7/2023) (Chương trình). Chương trình này không chỉ xây dựng bộ khung cơ bản để doanh nghiệp xác định các mục tiêu và chiến lược kinh doanh bền vững mà còn là cơ sở để đánh giá và giám sát tiến trình thực hiện các mục tiêu đó.



Ảnh minh họa
Nguồn:Internet

Thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm cũng chính là chìa khóa để cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của nước ta.

Cụ thể về lĩnh vực lao động, Chương trình yêu cầu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan trong lĩnh vực lao động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các luật, quy định liên quan đến việc thúc đẩy và bảo vệ quyền lao động, phúc lợi của người lao động trong quan hệ lao động, việc làm bảo đảm tương thích với các tiêu chuẩn lao động quốc tế mà Việt Nam đã tham gia gồm: Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghiên cứu xây dựng chính sách về bảo vệ việc làm, đào tạo lại người lao động và bảo vệ



*Ảnh minh họa
Nguồn: Báo điện tử Chính phủ*

quyền lợi của người lao động trong mối quan hệ với các công ty nền tảng trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, trong lĩnh vực bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có liên quan nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan bình đẳng giới; chống phân biệt đối xử và bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương trong hoạt động kinh doanh để bảo đảm tính khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, gồm: Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Người khuyết tật năm 2010, Luật Trẻ em năm 2016... và các văn bản hướng dẫn thi hành. Xây dựng các báo cáo nghiên

cứu, rà soát và đề xuất, kiến nghị liên quan trình cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn hoàn thành là năm 2025. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Luật Công đoàn và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Thời hạn hoàn thành là năm 2027.

Trong bối cảnh số lượng các ngành sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động tại nước ta ngày càng tăng, Chương trình nhấn mạnh việc tạo ra một môi trường làm việc an toàn, bảo đảm công bằng xã hội và thúc đẩy quyền lợi cho người lao động. Điều này không chỉ giúp nâng cao đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động mà còn tạo ra một lực lượng lao động khỏe mạnh, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp cũng như nền kinh tế quốc gia.

Chương trình được ban hành đóng

vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn và định hình các chuẩn mực cho doanh nghiệp trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội. Chương trình không chỉ là một tài liệu hướng dẫn mà còn là một cam kết từ phía Chính phủ Việt Nam trong việc tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và bền vững, qua đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội và nền kinh tế.

2. Các yêu cầu và ví dụ về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong ngành sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động

Bàn về kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt trong ngành sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động, chúng ta nhấn mạnh đến việc các doanh nghiệp không chỉ cần chú trọng đến lợi nhuận kinh tế mà còn phải quan tâm đến các yếu tố xã hội, môi trường và đạo đức kinh doanh. Trong bối cảnh ngày nay, khi ngành sản xuất, kinh doanh ngày càng phụ thuộc vào sức lao động, kinh doanh có trách nhiệm bao gồm việc chủ sử dụng lao động phải bảo đảm về điều kiện làm việc an toàn, môi trường làm việc công bằng, văn minh, bảo đảm đúng và đầy đủ các quyền cơ bản của người lao động. Cụ thể, các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội và pháp luật về an toàn vệ sinh lao động. Đặc biệt, trong các ngành nghề lao động nặng như xây dựng, sản xuất và khai thác khoáng sản, doanh nghiệp buộc phải tuân thủ những quy định pháp luật khắt khe hơn về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp: cung cấp trang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp, đào tạo đầy đủ về an toàn lao động, và thực hiện định kỳ các cuộc kiểm tra an toàn nơi làm việc.

Đồng thời, kinh doanh có trách nhiệm còn là chú trọng đến việc phát triển trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động và xây dựng các chính sách nhân sự bền vững. Tại Việt Nam, trách nhiệm đào tạo - giáo dục thế hệ trẻ đang trở thành một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của nhiều doanh nghiệp. Ví dụ: FPT, Công ty lĩnh vực công nghệ thông tin hàng đầu nước ta, đã thành lập Trường Đại học FPT để đào tạo các tài năng công nghệ thông tin, giúp cung cấp nguồn lực chất lượng cao cho nền kinh tế. Một ví dụ khác là Fablab tại Thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp khởi nghiệp hỗ trợ các nhà sáng chế trẻ, nhiều trong số đó là sinh viên, tạo ra giải pháp cho các vấn đề xã hội thông qua công nghệ. Những nỗ lực này không chỉ thúc đẩy sự đổi mới và phát triển kinh tế mà còn góp phần vào việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, phản ánh sự chuyển dịch hướng tới một mô hình kinh doanh có trách nhiệm và bền vững hơn¹.

Bên cạnh đó, kinh doanh có trách nhiệm trong ngành sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động cũng đòi hỏi sự quản lý chuỗi cung ứng một cách minh bạch và công bằng, bảo đảm rằng không chỉ doanh nghiệp chính mà cả các nhà cung cấp phụ cũng tuân thủ quy định pháp luật và các tiêu chuẩn lao động quốc tế như phòng chống, nghiêm cấm và xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, cũng như việc thực hiện bình đẳng giới và không phân biệt đối xử tại nơi làm việc.

Ngoài ra, kinh doanh có trách nhiệm còn là việc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp có ý thức và hành động đóng góp đối với cộng đồng thông qua

¹ <https://www.worldbank.org/vi/news/speech/2019/03/04/doing-responsible-business>

các chương trình phát triển xã hội, giáo dục, y tế và cải thiện hạ tầng, cũng như thực hiện các hoạt động kinh doanh theo phương án “xanh” - thân thiện với môi trường.

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật mà còn phải thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro đối với các yếu tố con người, xã hội và môi trường, đồng thời, giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn, như phòng ngừa, giảm thiểu hoặc tiến hành biện pháp khắc phục thích hợp khi xảy ra các vi phạm. Trong quá trình toàn cầu hóa và cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp không chỉ được đánh giá qua lợi nhuận mà còn qua những đóng góp của họ đối với xã hội và môi trường. Do đó, việc áp dụng các nguyên tắc của kinh doanh có trách nhiệm không chỉ là một yêu cầu pháp lý mà còn là một yếu tố quyết định đến sự thành công lâu dài của doanh nghiệp trong thời đại hiện nay.

3. Nhận diện các thách thức khi áp dụng các chính sách thực hành kinh doanh có trách nhiệm và đề xuất giải pháp

Tại nước ta, một trong những thách thức khi triển khai thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong ngành sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động hiện nay là độ nhận thức về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của các doanh nghiệp vẫn còn thấp. Tại Hội thảo “*Xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm: Kinh nghiệm ở EU, Thái Lan, sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội*” ngày 23/11/2023 do Viện Nghiên cứu truyền thông phát triển (RED) thuộc Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phối hợp tổ chức, con số thống kê được

đưa ra là hiện chỉ có khoảng 56% doanh nghiệp nhận thức đầy đủ về khái niệm thực hành kinh doanh có trách nhiệm, trong khi 35,7% doanh nghiệp coi thực hành kinh doanh có trách nhiệm đơn thuần là tuân thủ các quy định pháp luật; 6,8% doanh nghiệp đang đánh đồng thực hành kinh doanh có trách nhiệm với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Về mức độ thực hiện thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp tại Việt Nam, có khoảng 62% doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ quy định; 27% doanh nghiệp chưa tuân thủ đúng theo yêu cầu và chỉ có 11% doanh nghiệp không chỉ tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong nước mà còn áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong quá trình triển khai thực hành kinh doanh có trách nhiệm, doanh nghiệp nước ta còn gặp nhiều thách thức. Cụ thể, các chính sách pháp luật chưa được hoàn thiện. Doanh nghiệp cũng chưa tiếp cận được nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án xanh, các dự án về môi trường; thiếu sự hỗ trợ từ các hiệp hội ngành/ngành trong việc liên kết nhằm tăng năng lực cạnh tranh; khác biệt về mô hình, văn hóa, tư duy và cách tiếp cận của từng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp chỉ dừng lại ở việc tuân thủ kinh doanh có trách nhiệm vì quy định của pháp luật mà chưa nhận thức rõ được động lực, lợi ích từ hoạt động này mang lại.

Do đó, để khắc phục các vấn đề nêu trên và vượt qua các thách thức, hướng tới môi trường thực hành kinh doanh có trách nhiệm đồng bộ của các doanh nghiệp trong ngành nghề sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động.

Trước hết, đây là trách nhiệm của nhà nước cần sửa đổi, bổ sung các quy định 2 Thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm, <https://tapchitaichinh.vn/thuc-day-thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem.html>



Ảnh minh họa

Nguồn: Tạp chí điện tử Công nghiệp môi trường

pháp luật có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan trong đời sống. Cụ thể, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành cần định nghĩa rõ, chính xác thể nào là kinh doanh có trách nhiệm. Ngoài ra, cần xem xét các quy định trong hoạt động tố tụng, khiếu nại tạo điều kiện cho bên yếu thế khi quyền lợi bị vi phạm (củng cố nguyên tắc về chứng cứ và trách nhiệm chứng minh; thúc đẩy áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực lao động; nghiên cứu mô hình và thủ tục tố tụng, khiếu nại thân thiện, dễ tiếp cận với nhóm lao động đặc thù; xây dựng cơ chế khiếu nại tập thể trong lĩnh vực lao động; nâng cao năng lực giải quyết các vụ án có liên quan đến việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm cho đội ngũ thẩm phán...)

Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường truyền thông về thực hiện kinh doanh có trách nhiệm tới doanh

nh nghiệp và người lao động, đặc biệt tại các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động.

Để nâng cao hiệu quả thực hành kinh doanh có trách nhiệm, nhà nước cũng cần hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các cơ chế ưu đãi, tự quản, giám sát, thanh tra công bằng và hiệu quả, giải quyết vướng mắc và khiếu nại, tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt ở các khu công nghiệp về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Đối với cộng đồng doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, cần thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm với việc xây dựng cơ chế, kế hoạch của cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng. Đồng thời, xây dựng cơ chế tự khắc phục và phòng ngừa, như thủ tục và nguyên tắc giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp, quy chế và quy tắc về quản trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Lao động năm 2019;
2. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
3. Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015;
4. Luật Doanh nghiệp năm 2020;
5. <https://tapchitaichinh.vn/thuc-day-thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem.html>;
6. <https://baochinhphu.vn/kinh-doanh-co-trach-nhiem-la-xu-huong-tat-yeu-102220407132053801.htm>;
7. <https://danchuphapluat.vn/hoan-thien-chinh-sach-va-phap-luat-thuc-day-thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-tai-viet-nam-trong-giai-doan-moi>;
8. <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/tin-tuc/xay-dung-va-thuc-thi-chinh-sach-thuc-day-thuc-hanh-kinh-doanh-co-trach-nhiem-749855>;
9. <https://www.worldbank.org/vi/news/speech/2019/03/04/doing-responsible-business>;
10. https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_729353.pdf.

BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

ThS. Phạm Thu Hằng
Tạp chí Dân chủ và Pháp luật

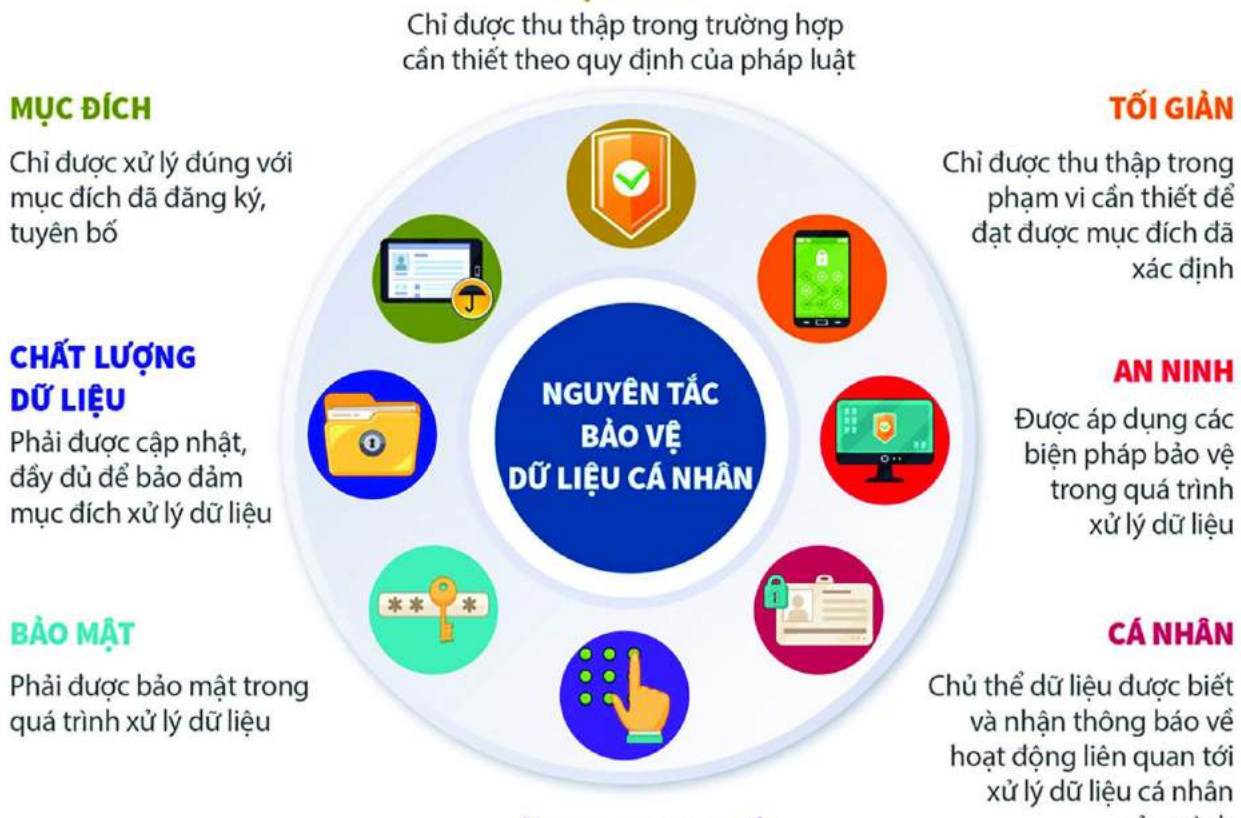
Để xây dựng chính quyền số, một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, việc thu thập dữ liệu, dữ liệu cá nhân của toàn dân là cần thiết, được tiến hành bằng nhiều cách, nhiều công cụ trên các nền tảng số. Đồng thời với công tác thu thập, việc bảo vệ, bảo đảm quyền riêng tư, an toàn dữ liệu cá nhân trên môi trường số hiện nay đang là vấn đề gây nhiều bức xúc cần được chấn chỉnh, hoàn thiện hơn nữa, đặc biệt trong bối cảnh nhận thức chung của cộng đồng về an toàn thông tin chưa thực sự theo kịp tốc độ phát triển. Bảo vệ dữ liệu cá nhân là hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý

hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, đối với doanh nghiệp, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân đóng vai trò quan trọng và đang đặt ra cho doanh nghiệp nhiều vấn đề pháp lý liên quan.

1. Quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân

1.1. Vài nét khái quát

Quyền bảo vệ dữ liệu bắt nguồn từ quyền riêng tư và là công cụ để bảo tồn và thúc đẩy các giá trị và quyền cơ bản của con người, là cơ sở để thực hiện các quyền tự do khác, chẳng hạn như quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin,



Ảnh: Nguyên tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân
Nguồn: diendandoanhnhiep.vn

quyền hội họp của công dân. Vì đời sống riêng tư của cá nhân được đặt ở vị trí ưu tiên và cần được bảo vệ để bảo đảm cá nhân có quyền toàn vẹn đối với đời sống chính mình. Do đó, trong khuôn khổ pháp luật của Liên minh châu Âu (EU) và nhiều quốc gia, bảo vệ dữ liệu được xem là một quyền cơ bản của con người.

Về cơ bản, các quy định của pháp luật Việt Nam bảo vệ dữ liệu cá nhân được tiếp cận và phát triển từ quyền riêng tư - với tư cách là quyền cơ bản của con người. Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận quyền riêng tư, cụ thể là quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Tiếp theo đó, cùng cách tiếp cận dưới góc độ quyền con người, lĩnh vực pháp luật dân sự ghi nhận quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình như một loại quyền nhân thân. Pháp luật hành chính và pháp luật hình sự tiếp cận việc bảo vệ dữ liệu cá nhân dưới góc độ bảo vệ quyền con người thông qua việc quy định các chế tài hành chính, chế tài hình sự đối với các hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân.

Ngoài ra, trong một số lĩnh vực cụ thể có khả năng tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm dữ liệu cá nhân, các văn bản pháp luật cũng thường có những quy định cụ thể để phòng ngừa và bảo vệ dữ liệu cá nhân như một trong những phương thức bảo vệ quyền riêng tư. Chẳng hạn: Luật Công nghệ thông tin năm 2006 ghi nhận bảo đảm bí mật thông tin cá nhân; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 quy định nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng; Luật An ninh mạng năm 2018 quy định hành vi xâm phạm bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng; Luật Báo chí năm 2016 quy định nghiêm cấm hành vi “tiết lộ thông tin thuộc danh Mục bí mật nhà

nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật”...

Tuy nhiên, Việt Nam chưa có cách hiểu thống nhất về khái niệm và nội hàm dữ liệu cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đang sử dụng một số thuật ngữ có liên quan đến dữ liệu cá nhân và bảo vệ dữ liệu cá nhân như: “*Thông tin cá nhân*”, “*thông tin riêng*”, “*thông tin riêng tư*”, “*thông tin số*”, “*thông tin cá nhân trên môi trường mạng*”, “*thông tin bí mật đời tư*”, “*thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình*”... với những cách giải thích khái niệm khác nhau. Điều này dẫn đến các cách hiểu không thống nhất, thậm chí có sự chồng chéo về khái niệm, cụ thể: Khoản 15 Điều 3 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 quy định thông tin cá nhân là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể; khoản 5 Điều 3 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước quy định thông tin cá nhân là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính một cá nhân, bao gồm ít nhất nội dung trong những thông tin sau đây: họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu; khoản 13 Điều 3 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về thương mại điện tử quy định thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật. Thông tin cá nhân trong Nghị định này không bao gồm thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên

các phương tiện truyền thông.

Quy định như trên dẫn đến nhiều cách hiểu chưa đồng nhất, vậy thông tin cá nhân là các thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, hay phải đủ để xác định chính xác danh tính một cá nhân hay chỉ nhằm góp phần định danh một cá nhân cụ thể? Thậm chí các quy định khác biệt còn dẫn đến sự mâu thuẫn lẫn nhau, ví dụ như khoản 13 Điều 3 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định thông tin liên hệ công việc và những thông tin mà cá nhân đã tự công bố trên các phương tiện truyền thông không được coi là thông tin cá nhân. Trong khi đó, theo Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng, trò chơi điện tử trên mạng; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin, thì mọi thông tin cá nhân không phân biệt đã công khai hay giữ bí mật đều được coi là thông tin cá nhân.

Trước tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0, dữ liệu cá nhân ngày càng trở nên quý giá và các nguy cơ xâm phạm quyền cá nhân đối với dữ liệu đã vượt qua năng lực bảo vệ của các cơ chế pháp lý truyền thống. Tại Việt Nam, trước những hạn chế của các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong các văn bản pháp luật khác nhau, ngày 17/4/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân (Nghị định số 13/2023/NĐ-CP), có hiệu lực kể từ 01/7/2023 - là một bước tiến đáng kể trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

1.2. Một số nội dung nổi bật trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP liên quan đến doanh nghiệp trong bảo vệ dữ liệu cá nhân

Đây chính là nỗ lực của Chính phủ nhằm góp phần xây dựng hành lang pháp lý phục vụ chương trình chuyển đổi số quốc gia, hướng đến nhóm mục tiêu an toàn thông tin và phát triển xã hội số toàn diện. Nghị định số 13/2023/NĐ-CP bao gồm 4 chương 44 điều, ghi nhận một cách toàn diện các quyền lợi cơ bản của cá nhân là chủ thể dữ liệu và đặt ra các yêu cầu kỹ thuật và pháp lý cho các doanh nghiệp xử lý, kiểm soát dữ liệu của công dân Việt Nam. Ngoài ra, Nghị định cũng quy định về chức năng và thẩm quyền của cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam. Theo đó, một số nội dung nổi bật trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP liên quan đến doanh nghiệp trong bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định như sau:

- Dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm: Theo Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP thì các thông tin bắt buộc của hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 (Điều 21) thuộc dữ liệu cá nhân cơ bản của người lao động. Ngoài ra, trong quá trình sử dụng, quản lý người lao động, có thể có xảy ra trường hợp doanh nghiệp yêu cầu người lao động cung cấp thêm một số thông tin như: Quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo; tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án (không bao gồm thông tin về nhóm máu; thông tin liên quan đến nhân trắc học, vật lý, sinh học, đời sống tình dục, xu hướng tình dục, nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc của cá nhân...) và đây chính là những dữ liệu cá nhân nhạy cảm được quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP.

- Xử lý dữ liệu cá nhân: Bao gồm việc thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy

cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan. Tất cả các hoạt động trong quy trình xử lý dữ liệu cá nhân đều phải được sự đồng ý của người lao động là chủ thể dữ liệu, trừ trường hợp luật có quy định khác. Tuy nhiên, sự đồng ý này chỉ có hiệu lực khi chủ thể dữ liệu tự nguyện và biết rõ các nội dung sau đây: Loại dữ liệu cá nhân được xử lý; mục đích xử lý dữ liệu cá nhân; tổ chức, cá nhân xử lý dữ liệu; các quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu.

Cũng cần lưu ý rằng, sự đồng ý phải thể hiện ở một định dạng có thể được in, sao chép bằng văn bản, bao gồm cả dưới dạng điện tử hoặc định dạng kiểm chứng được để bảo đảm tính rõ ràng, tự nguyện, khẳng định việc cho phép của người lao động (Điều 11). Phía doanh nghiệp cần phải bảo đảm quyền đồng ý của người lao động. Về phía mình, người lao động có quyền đồng ý hoặc không đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân của mình, trừ các trường hợp (Điều 17): Tình huống khẩn cấp cần xử lý ngay dữ liệu cá nhân có liên quan để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chủ thể dữ liệu hoặc người khác; việc công khai dữ liệu cá nhân theo quy định của luật; việc xử lý dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong tình trạng khẩn cấp; để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thể dữ liệu với doanh nghiệp theo quy định của luật; phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành.

- Thông báo xử lý dữ liệu cá nhân: Theo quy định tại Điều 13, trước khi tiến hành, việc xử lý dữ liệu cá nhân phải được thông báo đến chủ thể dữ liệu. Nội dung thông báo phải bao gồm: Mục đích xử lý; loại dữ liệu cá nhân được sử dụng (có liên

quan tới mục đích xử lý); cách thức xử lý; thông tin về các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tới mục đích xử lý; hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc xử lý dữ liệu. Cũng tương tự sự đồng ý cho phép của người lao động, thông báo về việc xử lý dữ liệu phải thể hiện ở một định dạng có thể được in, sao chép bằng văn bản, bao gồm cả dưới dạng điện tử hoặc định dạng kiểm chứng được.

- Đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và đánh giá tác động chuyển dữ liệu ra nước ngoài: Theo Điều 24, kể từ thời điểm bắt đầu xử lý dữ liệu, doanh nghiệp và các bên có liên quan có nghĩa vụ lập và lưu giữ hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và phải bảo đảm luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra của Bộ Công an. Trong trường hợp chuyển dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam ra nước ngoài (ví dụ, khi chuyển thông tin của nhân sự Việt Nam đến công ty mẹ ở nước ngoài), doanh nghiệp phải lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài và cũng phải bảo đảm luôn có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra của Bộ Công an. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói chung và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo mô hình Tập đoàn (Công ty mẹ - con).

Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải gửi một bản chính hồ sơ tới Bộ Công an (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) theo mẫu số 06 tại Phụ lục của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân (Điều 25). Chế tài xử lý vi phạm đối với quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo Điều 4, mọi vi phạm của doanh nghiệp

8 cách để không bị rò rỉ thông tin cá nhân trên mạng



Sử dụng chế độ xác thực 2 yếu tố ngoài mật khẩu, cần một thông tin khác để đăng nhập



Tránh Wifi công cộng nếu sử dụng hãy đảm bảo sử dụng ứng dụng mã hóa dữ liệu hoặc sử dụng VPN*



Đặt mật khẩu mạnh (kết hợp các ký tự, số và ký hiệu đặc biệt)



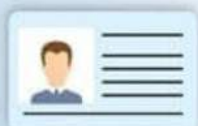
Dùng trang web có giao thức HTTPS vì dữ liệu được mã hóa



Sử dụng trình duyệt web riêng tư



Đăng xuất các tài khoản khi đã dùng xong



Hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân trên Internet (mật khẩu, số thẻ, hình ảnh, địa chỉ, giấy tờ...)



Cập nhật các phần mềm, hệ thống thường xuyên để tiếp cận với những công nghệ, tính năng, bản vá lỗi mới nhất

*Là một mạng dành riêng để kết nối các máy tính của các công ty, tập đoàn hay các tổ chức với nhau thông qua mạng Internet công cộng.

Nguồn: TTXVN; Jakarta Post

infographics.vn

© TTXVN
Vietnam News Agency

Infographic hướng dẫn bảo mật thông tin cá nhân
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm và vấn đề pháp lý
doanh nghiệp nhỏ và vừa cần quan tâm

đối với quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân của người lao động, tùy theo mức độ, có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc nghiêm trọng hơn là xử lý hình sự theo quy định. Nghị định cũng có quy định việc mua, bán dữ liệu cá nhân bị nghiêm cấm dưới mọi hình thức.

Có thể thấy, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân luôn đi cùng với sự vận hành dân chủ, văn minh và sự phát triển ổn định của xã hội. Do đó, Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân chính là một bước tiến của Việt Nam trong bảo vệ quyền về sự riêng tư nói chung và quyền về dữ liệu cá nhân nói riêng.

2. Những vấn đề pháp lý đặt ra đối với doanh nghiệp

Trong quá trình thực hiện mối quan hệ lao động, doanh nghiệp - người sử dụng lao động sẽ nhận rất nhiều thông tin cá nhân từ người lao động nhằm phục vụ mục đích quản lý lao động. Theo đó, nếu người sử dụng lao động bất cẩn trong quá trình quản lý và xử lý các thông tin kể trên, việc thông tin của người lao động bị lan truyền là có thể xảy ra và dẫn đến những hậu quả khó lường.

Thứ nhất, trước đây, các vấn đề quản lý lao động nội bộ như chính sách lương, thưởng, tham gia các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thường do chính doanh nghiệp tính toán và quản lý, do đó khả năng rò rỉ thông tin cá nhân của người lao động là tương đối thấp. Tuy nhiên, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và cắt giảm chi phí để tập trung vào các mục tiêu phát triển khác, việc sử dụng các dịch vụ bên ngoài để giải quyết các công việc nội bộ hiện nay lại rất phổ biến và được nhiều doanh nghiệp lựa chọn. Theo đó, việc chuyển giao dữ liệu cho các bên thứ ba là bắt buộc để hoàn thành các công

việc đã giao kết, dẫn đến rủi ro dữ liệu cá nhân của người lao động bị phát tán.

Ngoài ra, trong xu thế hội nhập toàn cầu, Việt Nam đã và đang đón nhận những nguồn đầu tư lớn từ các tập đoàn quốc tế. Theo đó, các công ty của cùng hệ thống tập đoàn (công ty mẹ - con) thường sẽ có chung một hệ sinh thái quản lý và mọi thông tin của các công ty này, bao gồm cả thông tin của người lao động, có thể dễ dàng được truy cập từ hệ thống chung. Tuy nhiên, theo pháp luật Việt Nam, mỗi doanh nghiệp được xem là một pháp nhân riêng biệt và độc lập và do đó, việc các doanh nghiệp trong cùng hệ thống tập đoàn chuyển dữ liệu cá nhân của người lao động để phục vụ quá trình quản lý nội bộ của cả tập đoàn cũng có thể được xem là vi phạm trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của doanh nghiệp. Trên thực tế, quy định này gây ra khá nhiều khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc lưu trữ và báo cáo thông tin.

Thứ hai, sự ra đời của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP vừa là cơ sở cho doanh nghiệp căn cứ nhằm thực thi pháp luật một cách phù hợp nhưng cũng gây ra khó khăn cho doanh nghiệp khi phải kiểm tra lại và bổ sung các tài liệu nội bộ nhằm nâng cao trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân. Theo đó, nghĩa vụ của doanh nghiệp được quy định cách rõ ràng và chi tiết hơn trong việc thu thập, sử dụng và quản lý dữ liệu cá nhân của người lao động.

Đối mặt với những quy định chặt chẽ của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, doanh nghiệp phải rà soát và củng cố các tài liệu nội bộ của mình để có căn cứ chứng minh việc tuân thủ cũng như xử lý các vấn đề phát sinh, nếu có. Bên cạnh việc

thực hiện các công việc khi có phát sinh tương ứng theo hướng dẫn của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP (ví dụ, lập hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài), doanh nghiệp còn phải xem xét thực hiện các hoạt động sau:

+ Xây dựng hoặc cập nhật nội quy lao động về các quy định cấm mua, bán và chia sẻ thông tin dữ liệu cá nhân để làm căn cứ xử lý kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại (nếu có) trong trường hợp có sai phạm. Việc xây dựng nội quy lao động hiện nay là bắt buộc đối với các doanh nghiệp và nếu doanh nghiệp có từ 10 người lao động trở lên, nội quy lao động phải được ban hành bằng văn bản và phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước cấp có thẩm quyền. Nội quy lao động là tài liệu pháp lý về lao động duy nhất trong doanh nghiệp có sử dụng 10 người lao động trở lên để xử lý kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại.

+ Bổ sung các điều khoản trong hợp đồng thử việc, và/hoặc hợp đồng lao động hoặc phụ lục hợp đồng lao động liệt kê rõ phạm vi dữ liệu cá nhân phải được bảo vệ, mục đích, phạm vi xử lý dữ liệu cá nhân và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc bảo mật dữ liệu cá nhân như một văn bản thể hiện sự đồng ý của người lao động.

+ Giao kết thỏa thuận không tiết lộ hoặc các cam kết khác thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ các bên trong việc xử lý dữ liệu cá nhân.

Thứ ba, theo Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, doanh nghiệp vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân tùy theo mức độ có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự theo quy định. Hiện nay, quy định về xử phạt hành chính nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật. Theo Điều 84 và Điều 85 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của

Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, một số hành vi liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân sẽ bị xử phạt hành chính: (i) Vi phạm quy định về thu thập, sử dụng thông tin cá nhân; (ii) Vi phạm quy định về cập nhật, sửa đổi và hủy bỏ thông tin cá nhân. Trong khi đó, Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì chưa có nhiều quy định liên quan để xử lý dữ liệu cá nhân của người lao động. Tại điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định này quy định, nếu không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu thì doanh nghiệp sẽ bị xử phạt hành chính.

Như vậy, có thể nhận thấy, pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân người lao động đang được quy định trong nhiều văn bản khác nhau, không tập trung và việc xử phạt hành chính chỉ mới điều chỉnh đối với một số hành vi trong số rất nhiều hành vi liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân người lao động.

3. Một số khuyến nghị cho doanh nghiệp trong việc nâng cao hiệu quả bảo vệ dữ liệu cá nhân

An toàn dữ liệu sẽ giúp cho quá trình chuyển đổi số diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và an toàn hơn. Trong thời gian qua, để bảo vệ người dân, cộng đồng

trước vấn nạn lừa đảo trực tuyến, các cơ quan chức năng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp an toàn, an ninh mạng đã triển khai nhiều biện pháp kỹ thuật, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, một số biện pháp đã bước đầu mang lại hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu hướng đến cao nhất là bảo vệ cá nhân theo tinh thần của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, các doanh nghiệp cần có những hành động thiết thực trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân một cách hiệu quả. Cụ thể:

Thứ nhất, doanh nghiệp cần nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng, ý nghĩa của dữ liệu cá nhân, xác định bảo vệ dữ liệu cá nhân là một trong những nhiệm vụ, việc làm hết sức cần thiết, từ đó tự ý thức về nâng cao trách nhiệm bảo vệ, kiểm soát, xử lý dữ liệu cá nhân. Mặt khác, cần tìm hiểu, nghiên cứu kỹ lưỡng những quy định trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhất là những nội dung liên quan đến 11 quyền của chủ thể dữ liệu, để tham gia hoạt động, khai thác dữ liệu trên không gian mạng có trách nhiệm và an toàn.

Thứ hai, doanh nghiệp cần lưu ý thêm về việc thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá và đối chiếu những nội dung quy định về kiểm soát, xử lý, khai thác, lưu trữ, quản lý dữ liệu cá nhân phục vụ cho cơ quan, tổ chức xem đã đúng với nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP chưa. Những khâu nào đã thực hiện rồi, những khâu nào chưa thực hiện, những vấn đề gì còn chưa hiểu rõ hay còn khó khăn vướng mắc, từ đó kiến nghị các cấp có thẩm quyền hướng dẫn, giải đáp và tháo gỡ để thực hiện cho đúng và đầy đủ theo quy định.

Thứ ba, doanh nghiệp cần ban hành,

sửa đổi, bổ sung các quy trình và biểu mẫu được sử dụng từ quá trình tuyển dụng đến khi chấm dứt quan hệ lao động, trong đó điểm quan trọng bậc nhất là thông báo cho ứng viên, người lao động biết về việc xử lý dữ liệu cá nhân người lao động và có sự đồng ý của ứng viên, người lao động về việc xử lý dữ liệu đó. Các biểu mẫu thường được sử dụng như Thông báo tuyển dụng, Biên bản phỏng vấn, Thư mời nhận việc, Hợp đồng thử việc, Hợp đồng đào tạo, Hợp đồng lao động, Biên bản thanh lý hợp đồng lao động,... nên được bổ sung thêm quyền xử lý dữ liệu cá nhân của doanh nghiệp.

Thứ tư, doanh nghiệp cần tăng cường biện pháp bảo vệ bên trong nhằm hạn chế, ngăn chặn hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân người lao động. Cụ thể:

- Phân loại dữ liệu cá nhân người lao động và phân định quyền xử lý dữ liệu cho từng cá nhân, bộ phận tại nơi làm việc, đặc biệt là những cá nhân quản lý doanh nghiệp.

- Chỉ định bộ phận có chức năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, chỉ định nhân sự phụ trách bảo vệ dữ liệu cá nhân và trao đổi thông tin về bộ phận và cá nhân phụ trách bảo vệ dữ liệu cá nhân với Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trường hợp Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu, Bên thứ ba là cá nhân thì trao đổi thông tin của cá nhân thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ trong doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có quy trình chặt chẽ, hợp lý đi kèm với bộ quy tắc áp dụng có tính khả thi cao tại nơi làm việc.

- Bổ sung, sửa đổi các quy định trong kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất

liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân theo hướng: (i) Cập nhật các hành vi vi phạm kỷ luật liên quan đến xử lý dữ liệu cá nhân và hình thức xử lý kỷ luật lao động tương ứng; (ii) Việc yêu cầu bồi thường thiệt hại vật chất (nếu có) được đặt ra không chỉ đối với người lao động có hành vi vi phạm mà còn áp dụng đối với bên thứ ba (ví dụ, chủ thể quản lý nền tảng kỹ thuật số).

Thứ năm, doanh nghiệp cũng cần thực hiện các biện pháp bảo vệ bên ngoài nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm từ

tổ chức, cá nhân bên ngoài doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần làm rõ quyền, nghĩa vụ của các chủ thể: Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, Bên Xử lý dữ liệu, Bên thứ ba.

Thứ sáu, doanh nghiệp nên xem thương lượng tập thể, đối thoại tại nơi làm việc là những cơ chế hiệu quả để thông báo và đạt được sự đồng thuận với tập thể người lao động khi tiến hành xử lý dữ liệu cá nhân có tính tập thể người lao động. Điều này sẽ phù hợp với những bộ phận hoặc doanh nghiệp có quy mô lao động lớn.

HOÀN THIÊN CƠ CHẾ PHÁP LÝ BẢO VỆ TÀI SẢN LÀ DỮ LIỆU SỐ KHI DOANH NGHIỆP CHIA SẺ DỮ LIỆU VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

ThS. Nguyễn Thị Thủy Tiên

Phó Trưởng khoa Khoa luật kinh tế

Trường Đại học Hòa Bình

Chia sẻ dữ liệu là khởi điểm và cơ sở của chuyển đổi số. Nhờ vậy, các chủ thể thúc đẩy các giải pháp hữu hiệu để kinh doanh, quản lý, xử lý vi phạm. Ở chiều ngược lại, các chủ thể này cũng có thể lợi dụng hoạt động chia sẻ dữ liệu vào mục đích tư lợi. Do vậy, pháp luật cần quy định các biện pháp bảo vệ dữ liệu số khi chia sẻ giữ các chủ thể, bảo đảm quyền lợi ích chính đáng của mỗi bên.

1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa về cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với Cơ quan nhà nước

Cơ chế pháp lý được hiểu là hệ thống các yếu tố, quy phạm, phương tiện pháp lý hợp thành, tác động qua lại theo một trật tự xác định, nhằm điều chỉnh, tác động đến một đối tượng hay quan hệ xã hội để đạt được hiệu quả pháp lý nhất định. Chia sẻ dữ liệu số là cung cấp các dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số cho nhiều ứng dụng, người dùng hoặc tổ chức.

Cơ chế pháp lý bảo vệ chia sẻ dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với Cơ quan nhà nước là hệ thống các yếu tố, quy phạm, phương tiện pháp lý về chia sẻ dữ liệu biểu diễn bằng tín hiệu số cho nhiều ứng dụng, nhiều người dùng, các bộ phận này hợp thành, tác động qua lại nhằm điều chỉnh, tác động đến các hành vi buộc phải chia sẻ dữ liệu kèm theo quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của mỗi chủ thể và xã hội.

Cơ chế pháp lý bảo vệ chia sẻ dữ liệu số

khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với Cơ quan nhà nước có một số đặc điểm sau:

Một là, được quy định tại các văn bản pháp luật, nhằm điều chỉnh hoạt động chia sẻ dữ liệu có chủ đích của con người. Dữ liệu do con người tạo ra hoặc thu thập từ thế giới khách quan, phản ánh trong cảm tính và lý tính. Dữ liệu chứa đựng thông tin hữu ích cho hoạt động của con người, trong việc lưu trữ truyền tin, đem lại nhận thức và đưa ra quyết định điều chỉnh thế giới khách quan. Nó được sử dụng như một tài sản, nên Nhà nước ban hành các quy định bảo vệ giao dịch hợp pháp.

Hai là, việc chia sẻ dữ liệu số diễn ra trong không gian số. Dữ liệu tồn tại, biểu diễn bằng tín hiệu số. Nhờ công nghệ kỹ thuật số như máy vi tính, internet, mã hóa, toán lượng tử, chuỗi khối dữ liệu, trí tuệ nhân tạo... để tìm kiếm thu thập xử lý dữ liệu. Muốn vậy, đội ngũ nhân sự có trình độ kỹ năng chuyên môn về khoa học công nghệ thông tin để vận hành có hiệu quả là rất quan trọng. Chính vì thế, cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với Cơ quan nhà nước pháp luật chứa đựng các quy phạm về công nghệ số.



*Hội thảo Chia sẻ dữ liệu giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý Nhà nước.
Ảnh: Hà Anh.*

Ba là, cơ chế bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu số cho cơ quan Nhà nước là bảo vệ các lợi ích hợp pháp của các bên, ngăn chặn các rủi ro tiềm ẩn, hạn chế và xử lý các hành vi vi phạm. Từ nhiều tỷ thiết bị kỹ thuật số như: điện thoại di động, vệ tinh, máy chụp ảnh, camera, máy vi tính... dữ liệu được thu thập, được chia sẻ, để tích lũy và sử dụng chung nguồn tài nguyên dữ liệu số phong phú. Nhờ vậy, các chủ sở hữu, người sử dụng các thiết bị này có thể khai thác, phân tích, tổng hợp các dữ liệu phi cấu trúc thành dữ liệu có cấu trúc, tạo ra giá trị mới phục vụ nhu cầu sinh hoạt lao động của con người. Mặt khác, quá trình chia sẻ dữ liệu số cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Pháp luật quy định ngăn chặn các hành vi sử dụng các phần mềm không tương thích làm thay đổi tín hiệu, sai lệch nội dung dữ liệu. Nhà lập pháp cũng dự liệu quy định xử lý một số người sử dụng công nghệ để chiếm giữ, sử dụng vào mục đích tư lợi hoặc xâm phạm đến

quyền lợi ích của chủ thể khác.

Bốn là, cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với cơ quan Nhà nước là hoạt động có thể kiểm soát bởi con người. Như đã phân tích nêu trên, dữ liệu số được tạo ra nhờ công nghệ kỹ thuật số, do con người phát minh, để phản ánh thế giới khách quan, được lưu giữ, truyền tải do con người thực hiện. Do vậy, toàn bộ việc chia sẻ dữ liệu đều do con người thực hiện theo ý chí có chủ đích. Nhằm huy động, đóng góp của người sở hữu thông tin làm giàu nguồn tài nguyên chung, mọi người có thể sử dụng để có thông tin về lĩnh vực mình cần, phân tích, tổng hợp, sáng tạo giá trị thông tin mới. Pháp luật dự liệu các tình huống để khuyến khích và bảo vệ các hành vi có lợi cho xã hội. Ngoài ra, các hành vi chiếm đoạt, sử dụng dữ liệu số vào mục đích tư lợi, triệt hạ đối thủ cũng được pháp luật kiểm soát. Hoạt động lưu giữ, truyền tin được truy suất, kiểm tra bởi công nghệ số. Việc sử dụng

trái pháp luật, xâm hại quyền lợi ích chính đáng của người khác được thể hiện và để lại chứng cứ ở môi trường số hoặc môi trường hóa lý. Thông qua quy định của pháp luật điều chỉnh hành vi của các tổ chức cá nhân sơ hữu, sử dụng. Khi vi phạm, hành vi vi phạm bị xử phạt hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chịu hình phạt nghiêm khắc do sức mạnh nhà nước cưỡng chế.

Ý nghĩa của cơ chế bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu số cho cơ quan Nhà nước: Việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp chính đáng đối với doanh nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm khi doanh nghiệp với chia sẻ thông tin về các tổ chức cá nhân. Nhờ có doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu số giúp cho việc tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn làm tăng cả giá trị và hiệu quả kinh doanh, quản lý của dịch vụ. Pháp luật cũng yêu cầu chia sẻ thông tin một cách minh bạch, chính xác góp phần cải thiện chất lượng phân tích dữ liệu số, giúp các bên liên quan đưa ra những quyết định đúng đắn, có tầm ảnh hưởng trong dài hạn. Điều này mở ra cơ hội cộng tác để mang lại lợi ích cho cộng đồng rộng lớn.

2. Một số vướng mắc trong cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với Cơ quan nhà nước

Việc thiết lập cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu gặp khó khăn, rủi ro khi quy chế pháp lý hiện nay chưa đầy đủ, chi phí tài chính và nhân sự thẩm duyệt nội dung dữ liệu, nhân sự biết về kỹ thuật số để thực hiện chia sẻ dữ liệu, lo ngại về sức cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi có được thông tin để phát triển vượt trội, bỏ xa những doanh nghiệp truyền thống, thậm chí vấn đề rò rỉ thông tin bảo mật.

Trong khi đó, quyền lợi ích xứng đáng được hưởng của doanh nghiệp chưa quy định phù hợp. Dưới đây là một số nguy cơ nổi bật.

Một là, quy định về doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu làm khó doanh nghiệp khi chưa kiểm tra, chưa phát hiện thông tin thuộc diện bí mật. Mọi doanh nghiệp đều có nghĩa vụ về mặt pháp lý và đạo đức phải bảo vệ bí mật kinh doanh hay bí mật về đời tư. Các công nghệ bảo đảm có thể mã hóa và che giấu giúp chia sẻ dữ liệu một cách an toàn. Cái khó ở chỗ, công nghệ không phân biệt được đâu là bí mật kinh doanh, bí mật đời tư. Trước khi chia sẻ, doanh nghiệp bắt buộc phải rà soát, kiểm tra tính hợp pháp. Ví dụ: Doanh nghiệp lấy ý kiến của người lao động về các thông tin cá nhân, bảo hiểm, thu nhập, năng lực nghề nghiệp... trước khi chia sẻ dữ liệu. Để chia sẻ dữ liệu, doanh nghiệp phải mất rất nhiều tiền của, thời gian, công sức để thực hiện, không dễ gì chia sẻ không có lợi ích.

Hai là, cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu khi chia sẻ nhưng khó có thể bảo đảm an toàn trong quá trình diễn giải dữ liệu. Việc thiếu giao tiếp giữa người hoặc trí tuệ nhân tạo trong việc lập dữ liệu với người hoặc trí tuệ nhân tạo sử dụng dữ liệu có thể dẫn đến tình trạng diễn giải sai về mặt phân tích. Dẫn đến phán đoán sai khi giải thích báo cáo và cho ra kết quả sai. Ví dụ: tình trạng sụt giảm doanh thu có thể được quy cho phương pháp và công cụ tiếp thị chưa đúng, mặc dù lý do thực sự có thể là do hàng thay thế xuất hiện nhiều hoặc đối thủ cạnh tranh hạ giá sản phẩm.

Ba là, cơ chế pháp lý nhằm bảo vệ tài sản là dữ liệu khi chia sẻ nhưng rất khó kiểm soát chất lượng dữ liệu thấp. Đối tượng sử dụng dữ liệu có thể phải đối

mặt với tình trạng dữ liệu bị thiếu hoặc lặp, nghi ngờ tính xác thực, và các vấn đề tương tự. Ngoài ra, chất lượng dữ liệu còn bị chi phối bởi các định kiến về giới tính, chủng tộc, tôn giáo hay nhóm sắc tộc, phương pháp thu thập phân tích đánh giá của người xây dựng dữ liệu ảnh hưởng lớn đến chất lượng trong tập dữ liệu.

Bốn là, các quy định của pháp luật về chia sẻ dữ liệu hiện nay còn nhiều mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột, gây khó khăn thậm chí xâm phạm đến quyền của doanh nghiệp.

Quyền tự do kinh doanh đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và Luật Doanh nghiệp năm 2020. Chủ thể kinh doanh có quyền lựa chọn, quyết định các hoạt động kinh doanh dựa trên nhận thức, mong muốn của mình. Tuy nhiên, quy định chia sẻ dữ liệu khiến doanh nghiệp phải sử dụng công nghệ tương thích để kết nối hệ thống kỹ của cơ quan nhà nước khiến cho doanh nghiệp mất quyền lựa chọn công nghệ, mô hình kinh doanh, nguồn lực của mình.

Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp có thể đến từ dữ liệu hành vi của khách hàng, dữ liệu nghiên cứu sản phẩm, dữ liệu phân tích thị trường... trong hệ thống của doanh nghiệp. Nay doanh nghiệp phải chia sẻ là xung đột với quy định về quyền sở hữu trí tuệ đối với bí mật kinh doanh được ghi nhận trong Hiến pháp 2013 và Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022).

Quyền riêng tư được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, doanh nghiệp bắt buộc phải được sự đồng ý của người dùng trước khi chia sẻ dữ liệu cá nhân với cơ quan nhà nước. Trong khi đó, quy định về chia sẻ dữ liệu lại buộc doanh nghiệp phải thực

hiện. Doanh nghiệp sẽ rơi vào tình thế bắt buộc vi phạm, không vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân, thì vi phạm về chia sẻ dữ liệu.

3. Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu số khi doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu với Cơ quan nhà nước

Để xây dựng cơ chế pháp lý bảo vệ tài sản là dữ liệu số hữu hiệu, thiết nghĩ cơ quan lập pháp cần xác định mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Đồng thời, quy định pháp luật cần bảo vệ dữ liệu chính xác, có chất lượng, không bị sai lệch, không xâm phạm đến thông tin bí mật của các tổ chức cá nhân. Trước mắt, pháp luật cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, ban hành quy định nghĩa vụ chia sẻ dữ liệu của từng ngành, đồng thời doanh nghiệp nào chia sẻ dữ liệu có quyền và lợi ích kèm theo. Đó là hưởng ưu đãi hoặc giảm thuế, hay hỗ trợ chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện chia sẻ dữ liệu. Đối với các tổ chức cá nhân sử dụng dữ liệu cũng cần phải trả một khoản phí cho doanh nghiệp chia sẻ. Nhờ vậy, việc cân bằng lợi ích giữa các bên, bảo đảm quyền sở hữu dữ liệu của chủ sở hữu. Khuyến khích doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu.

Hai là, quy định doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu phải xem xét và chịu trách nhiệm về nội dung dữ liệu. Với quan niệm dữ liệu là một tài sản thuộc sở hữu về doanh nghiệp, thì doanh nghiệp có nghĩa vụ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của dữ liệu. Giống như tài sản là bất động sản hay động sản, chủ sở hữu có quyền với vật nhưng cũng có nghĩa vụ thông tin và chịu trách nhiệm vật do mình sở hữu. Khác ở chỗ, chia sẻ dữ liệu là nghĩa vụ theo quy



*Chia sẻ dữ liệu từ các thiết bị công nghệ số của các doanh nghiệp
(Nguồn: Internet)*

định của pháp luật, không phụ thuộc vào ý chí chủ sở hữu. Chỉ có như vậy, doanh nghiệp mới chia sẻ những dữ liệu có nội dung chính xác, có giá trị. Tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng sự chia sẻ dữ liệu để phá hoại nguồn tài nguyên quý giá, triệt hạ đối thủ, phá hoại sự ổn định và phát triển của xã hội.

Ba là, cần có quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với chủ thể trung gian lưu giữ dữ liệu và chủ thể sử dụng dữ liệu. Nghĩa vụ lưu giữ số liệu không rò rỉ, chia sẻ có điều kiện và kiểm soát. Nghĩa vụ sử dụng dữ liệu vào mục đích hợp pháp, không xâm phạm đến đời tư, bí mật kinh doanh, không được chỉnh sửa hay làm sai lệch dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng. Đặc biệt, bên sử dụng số liệu được xem là thụ hưởng giá trị của dữ liệu, cần phải chi trả một khoản tiền cho chủ sở hữu thu thập, xác minh, chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu, trả một khoản tiền cho bên lưu trữ trung gian lưu trữ số liệu, để mua sắm chi trả cho việc trang

bị công nghệ, nhân sự vận hành lưu trữ.

Bốn là, ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về chia sẻ dữ liệu, bảo đảm sự thống nhất, an toàn cho quá trình chia sẻ dữ liệu. Các công nghệ khác nhau có nguy cơ diễn giải sai về dữ liệu số. Ví dụ: font chữ Times New Roman không thể biểu diễn font chữ Algerian. Khi có quy chuẩn tiêu chuẩn kỹ thuật, các doanh nghiệp thống nhất thực hiện thao tác kỹ thuật, công nghệ, thông số kỹ thuật số để ngăn ngừa sai sót trong quá trình chia sẻ dữ liệu số.

Năm là, rà soát sửa đổi bổ sung cho đồng bộ giữa các quy định, điều, luật; thống nhất cách hiểu và bảo đảm thực hiện được các mục tiêu điều chỉnh của pháp luật. Xóa bỏ mâu thuẫn, xung đột về: quyền tự do kinh doanh với nghĩa vụ tương thích về công nghệ trong quá trình chia sẻ dữ liệu; giữ bí mật kinh doanh trong luật sở hữu trí tuệ với chia sẻ dữ liệu; bảo vệ quyền dân sự của cá nhân với chia sẻ dữ liệu. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi, không đẩy doanh

nghiệp vào tình thế bắt buộc vi phạm.

Chia sẻ dữ liệu số là xu hướng tất yếu trong quản lý, kinh doanh, sinh hoạt. Tuy nhiên, xây dựng cơ chế pháp lý bảo

vệ quyền lợi ích của các bên, thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội chắc chắn sẽ thực hiện được mục tiêu chiến lược đề ra./.

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM

*LS. Lê Chí Vịnh
Đoàn Luật sư Ninh Bình*

1. Khái niệm, đặc điểm về nhận thức thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Nhận thức được định nghĩa là quá trình phản ánh biện chứng hiện thực khách quan vào trong bộ óc của con người, có tính tích cực, năng động, sáng tạo, trên cơ sở thực tiễn. “*Quá trình nhận thức từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, của sự nhận thức thực tại khách quan*”¹.

Thực hiện chính sách được hiểu là những hoạt động nhằm chuyển hóa mong muốn của người xây dựng chính sách thành hiện thực².

Kinh doanh có trách nhiệm (RBPs) là hoạt động kinh doanh tuân thủ pháp luật và thực hiện các biện pháp đánh giá, ngăn ngừa, giảm thiểu và khắc phục các tác động bất lợi của hoạt động kinh doanh đối với con người, môi trường và xã hội³.

Đặc điểm và nội hàm của kinh doanh có trách nhiệm thể hiện ở một số khía cạnh: kinh tế, pháp lý, đạo đức và lòng bác ái..., cụ thể:

Khía cạnh kinh tế, kinh doanh có trách



Kinh tế xanh là trách nhiệm của mỗi chủ thể kinh doanh
Nguồn: internet

nhiệm được thể hiện ở việc sản xuất hàng hóa, dịch vụ chất lượng an toàn và luôn cải tiến; Cạnh tranh lành mạnh trong thị trường; Bảo đảm lợi ích của người kinh doanh; Thúc đẩy phát triển xã hội, như: tạo việc làm và môi trường làm việc an toàn, vui vẻ, tăng thu nhập cho người lao động, phát hiện sử dụng tài nguyên thân thiện môi trường, thúc đẩy tiến bộ công nghệ, phát triển sản phẩm.

Khía cạnh pháp lý, chủ thể kinh doanh thực hiện đầy đủ những quy định về pháp lý về điều tiết được cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, thúc đẩy sự công bằng và an toàn và cung cấp những sáng kiến chống lại những hành vi sai trái. Cơ quan nhà nước tổ chức triển khai toàn xã hội thực hiện kinh doanh có trách nhiệm. Các tổ chức xã hội và người tiêu dùng giám sát phản biện các hành vi kinh doanh có trách nhiệm.

¹ V.I.Lê Nin, *Toàn tập*, tr. 29, tr. 179.

² PGS. TS. Hồ Việt Hạnh, *Tập bài giảng Tổng quan chính sách công*, năm 2021, tr. 14

³ *Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng Bộ Công thương, Bộ quy tắc hướng dẫn kinh doanh có trách nhiệm vì người tiêu dùng trong kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam*, năm 2023, tr. 4.



Ảnh minh họa
Nguồn: Internet

Khía cạnh đạo đức, là những hành vi kinh doanh là đúng, công bằng vượt qua cả những yêu cầu pháp lý khắc nghiệt, thỏa mãn sự mong đợi của cộng đồng và xã hội, dù không được viết thành luật. Chúng thể hiện trong bản sứ mệnh và chiến lược của công ty. Trong đó, các nguyên tắc và giá trị đạo đức trở được cụ thể hóa thành hành động của mỗi thành viên và các bên liên quan.

Có thể thấy, kinh doanh có trách nhiệm là phát triển lợi ích phát triển riêng của từng doanh nghiệp phù hợp với pháp luật hiện hành thì đều phải gắn kết với lợi ích phát triển chung của cộng đồng xã hội. Nội hàm của nó tương đồng với một phần của phát triển bền vững, được Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển của Liên Hợp quốc nêu trong Báo cáo “*Tương lai chung của chúng ta*” vào năm 1987: “*Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*”.

Như vậy, nhận thức thực hành kinh doanh có trách nhiệm là quá trình hiểu và hành động của các chủ thể đầu tư, sản xuất, phân phối, cung cấp dịch vụ khác, bảo đảm lợi ích trước mắt và lâu dài cho mình và cho xã hội.

2. Các quy định pháp luật về kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam

Mặc dù thuật ngữ “kinh doanh có trách nhiệm” mới xuất hiện trong các văn bản pháp quy ở Việt Nam gần đây. Tuy nhiên trên thế giới, nội hàm của nó đã được đề cập từ những năm 1980. Tại phần 2 của Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 về định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam, Thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã nêu những lĩnh vực kinh tế cần ưu tiên nhằm phát triển bền vững. Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững cũng đã chỉ ra: kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Đặc biệt, ngày 14/7/2023, Thủ tướng Phạm Minh Chính ban hành Quyết định số 843/QĐ-TTg về Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027 (Quyết định số 843/QĐ-TTg). Trong đó, Thủ tướng đề ra mục tiêu thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam, phát huy các mặt tích cực và giảm thiểu các mặt tiêu cực, góp phần phát triển kinh tế tuần hoàn, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đối với hoàn thiện chính sách pháp luật, các cơ quan theo chức năng thực hiện rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn

thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu thầu, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật Công đoàn, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Người khuyết tật năm 2010, Luật Trẻ em 2016... và các văn bản hướng dẫn thi hành. Xây dựng Luật Chuyển đổi giới tính, văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ luật Tố tụng dân sự

Mặt khác, Quyết định số 843/QĐ-TTg cũng yêu cầu hoàn thiện, lồng ghép các cơ chế giám sát, tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước; Khuyến khích xây dựng các quy chế tự khắc phục và phòng ngừa trong nội bộ doanh nghiệp, quy tắc về quản trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng Bộ Công thương ban hành Bộ quy tắc hướng dẫn kinh doanh có trách nhiệm vì người tiêu dùng trong kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam. Bộ quy tắc này nêu chi tiết các tiêu chuẩn về nguồn hàng, vận hành, bán hàng, tuân thủ pháp luật và kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh.

3. Một số vướng mắc trong nhận thức thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam

Công tác phổ biến pháp luật chưa thực sự sâu rộng, dẫn đến người kinh doanh, người tiêu dùng, các tổ chức giám sát, xử lý vi phạm, chưa nhận thức được tầm quan trọng và giá trị to lớn, bền vững của các quy định kinh doanh có trách nhiệm.

Chính phủ chưa đánh giá, nhận định được phạm vi, nội dung đầy đủ, lộ trình

thực hiện và chưa đề xuất chương trình cụ thể về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Từ đó, Quốc hội chưa thể xác định và phê duyệt ngân sách thực hiện. Trên diện rộng từng lĩnh vực, từng ngành, các địa phương chưa triển khai nghiên cứu và lập đề xuất kế hoạch thực hiện ở địa phương. Do vậy, ở cấp Chính phủ chưa thể tổng kết và xây dựng kế hoạch toàn diện. Điều đó có nghĩa các nhà hoạch định chính sách chưa xác định được nguồn nhân lực, tài chính, công cụ phương tiện, cách thức triển khai, thời điểm triển khai, mục tiêu mong muốn, phương pháp giám sát, đo lường, đánh giá...

Trong lĩnh vực lao động, các doanh nghiệp chưa tuân thủ đầy đủ về an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Chỉ một số ít các công ty tuyển dụng người lao động khuyết tật. Rất ít công ty tiếp nhận người khuyết tật làm việc, chưa thiết kế, xây lắp các công trình, phương tiện hỗ trợ cho người khuyết tật sử dụng và lao động. Cán bộ quản lý và thanh tra viên thanh tra lao động còn thiếu, khối lượng công việc nhiều, số lượng và chất lượng thanh tra chưa đáp ứng được thực tiễn. Việc phát hiện còn ít, xử lý chưa nghiêm dẫn đến hiện tượng vi phạm tiếp diễn.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thiếu các tiêu chuẩn và công nghệ xử lý chất thải hữu hiệu. Ý thức của các chủ thể kinh doanh về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường còn hạn chế. Các làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ, lẻ chưa chú trọng đầu tư công nghệ, thiết bị để xử lý chất thải mang tính hình thức, chống đối. Trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, phát hiện kịp thời các vi phạm để xử lý còn thiếu; Việc quy hoạch, xây dựng và trang bị cơ sở hạ tầng thu gom xử lý chất thải ở nông thôn,



Ảnh minh họa
Nguồn: Internet

miền núi còn ít, chưa bảo đảm. Chính sách xã hội hóa, thu hút đầu tư vào lĩnh vực môi trường còn nhiều rào cản.

Hệ thống tài phán về pháp luật cạnh tranh lành mạnh chưa hoàn thiện. Lực lượng cán bộ chuyên trách còn ít, nguồn lực tài chính và công cụ phương tiện phục vụ quản lý xử lý chưa đủ. Đặc biệt, hình thức kinh doanh thương mại điện tử, online... mới xuất hiện, đòi hỏi việc quản lý cũng như xử lý các vi phạm gặp rất nhiều khó khăn.

4. Các giải pháp nâng cao nhận thức thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam

Để thực hiện có hiệu quả chính sách pháp luật về kinh doanh có trách nhiệm, thiết nghĩ cơ quan quản lý cần triển khai một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, xây dựng chính sách pháp luật rõ ràng dễ hiểu, dễ thực hiện về kinh doanh có trách nhiệm. Theo đó, cơ quan cấp trung ương ban hành mục tiêu chung, yêu cầu cấp ngành đưa ra vấn đề cần kinh doanh có trách nhiệm, các tiêu chí, phương pháp cụ thể. Chỉ khi có “đề bài chuẩn” thì các chủ thể tổ chức quản lý và kinh doanh mới có thể thực hiện được.

Hai là, cơ quan cấp ngành ban hành kế hoạch thực hiện, đưa ra lộ trình với mốc thời gian và kết quả phải đạt được cho các địa phương. Trên cơ sở đó, các địa phương lên kế hoạch, dự trù kinh phí, chuẩn bị nhân lực với các kiến thức kỹ năng cần có, dự tính các trang thiết bị phương tiện công cụ, phương pháp thực hiện.

Ba là, phân bổ nguồn lực và phân công công việc từng bộ phận chức năng, vị trí công việc. Xây dựng hệ thống nhân sự quản lý từ cấp trung ương đến địa phương. Cung cấp nguồn lực tài chính, công cụ phương tiện cần thiết. Yêu cầu sự phối hợp giữa các nhân sự bộ phận nhịp nhàng, tạo động lực và hợp lực liên hoàn theo hướng hiệu quả đạt mục tiêu đề ra.

Bốn là, tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật và tập huấn thực hiện. Mở các hội thảo với chuyên gia, nhà khoa học để có nhìn nhận tổng quát, triển khai một cách khoa học. Biên soạn sổ tay với các nội dung, quy trình, biểu mẫu để các đơn vị quản lý, chủ thể kinh doanh thực hành, người tiêu dùng và các đơn vị mặt trận tổ quốc giám sát. Mở các cuộc thi có thưởng, ưu đãi đối với các doanh nghiệp, các vị trí công việc. Tuyên truyền phổ biến trên các

phương tiện thông tin đại chúng, đa nền tảng, để mọi chủ thể tiếp cận dễ dàng.

Năm là, thực hiện và duy trì nhận thức thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Khi các chủ thể hiểu được nội dung, ý nghĩa và nghĩa vụ cũng như trách nhiệm khi vi phạm, thì các chủ thể có hành động thiết thực ngay từ khi nên kế hoạch kinh doanh, lựa chọn mặt hàng, chất liệu, sản xuất, bảo quản, phân phối hàng hóa dịch vụ. Đặc biệt, chủ thể kinh doanh bắt buộc phải có phương án ngăn chặn, giảm thiểu những tác hại do sản phẩm dịch vụ của mình gây ra.

Sáu là, thực hiện bắt buộc đối với chủ thể kinh doanh về lưu trữ và giải trình chất lượng sản phẩm dịch vụ đáp ứng được quy định kinh doanh có trách nhiệm. Việc thiết lập hệ thống chứng cứ từ quan điểm đến kế hoạch và hành động cụ thể để chứng minh việc tuân thủ là cần thiết. Nhờ vậy, các cơ quan mới dễ dàng quản lý, kiểm tra xử lý. Đồng thời, người tiêu dùng có cơ sở rõ ràng để tin cậy vào sự an toàn, thụ hưởng giá trị do bỏ tiền ra sử dụng sản phẩm dịch vụ. Thêm nữa, chủ thể kinh doanh có nghĩa vụ khai báo về bảo đảm kinh doanh có trách nhiệm, quan trọng là có quỹ dự phòng và biện pháp khắc phục rủi ro.

Bảy là, thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm. Trên cơ sở dữ liệu, minh chứng của cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan quản lý, các thông tin của người tiêu dùng, cơ quan thanh tra kiểm tra đột xuất, định kỳ tiến hành rà soát toàn bộ quá trình và kết quả thực hiện xem hoạt động kinh doanh có bảo đảm chất lượng và có trách nhiệm với cộng đồng không. Đánh giá xem những hoạt động nào đạt yêu cầu, vấn đề nào vướng mắc, do đâu. Từ đó, cơ quan quản lý mời các nhà khoa học thảo luận, tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhân rộng điển hình tiên tiến, rút kinh nghiệm cho các hoạt động sau.

Với những quy định còn mang tính chung chung, chưa triển khai tới các lĩnh vực, các ngành, các địa phương một cách sâu rộng, kinh doanh có trách nhiệm cần được ban hành rộng rãi và chi tiết bởi các văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, cần có biện pháp thiết thực, chắc chắn rằng mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam cơ bản đạt được mục tiêu đề ra trong Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP TRONG VIỆC THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP HỘI VIÊN THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

ThS. Bùi Thị Huyền

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đặt ra yêu cầu về “*thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*”, “*xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh*”; “*khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội*” và “*khuyến khích làm giàu theo pháp luật... gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội*”. Hiện nay, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được hiểu là mang tính khuyến khích, còn thực hành kinh doanh có trách nhiệm là mang tính bắt buộc, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các chủ thể liên quan, như: Người lao động, người tiêu dùng, cộng đồng dân cư chịu tác động từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh để phát triển nhanh và bền vững vừa là yêu cầu, vừa là mục tiêu của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Thực hành kinh doanh có trách nhiệm đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật mà còn phải thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro đối với các yếu tố con người, xã hội và môi trường, đồng thời giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn như phòng ngừa, giảm thiểu hoặc tiến hành biện pháp khắc phục thích hợp khi xảy ra các vi phạm. Để thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam trong thời gian tới, cần sự vào cuộc của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội, trong đó có vai trò quan trọng của các tổ chức đại diện doanh nghiệp.

1. Tình hình thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thời gian qua

Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động theo pháp luật và Điều lệ của tổ chức mình. Thời gian qua, nhiều tổ chức đại diện cho doanh nghiệp được thành lập.

Trong những năm qua, các tổ chức hội, hiệp hội, Câu lạc bộ đại diện cho doanh nghiệp phát triển đa dạng. Các tổ chức này đã chủ động hoặc theo yêu cầu của doanh nghiệp hội viên tổ chức hoạt động để thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Theo đó, các tổ chức hội, hiệp hội, câu lạc bộ đã thể hiện vai trò của tổ chức mình hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp phù hợp với tôn chỉ, mục đích; huy động nguồn lực hỗ trợ hội viên; tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, hiệp hội, Câu lạc bộ theo quy định của pháp luật; tham gia ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản xuất, kinh doanh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các chuyên đề về kinh tế, về doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây



Hội thảo “Nâng cao năng lực triển khai Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027”

Nguồn: Bùi Huyền

dựng chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Bên cạnh những kết quả đã đạt được bước đầu khẳng định vai trò của các tổ chức đại diện doanh nghiệp thì vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ của mình.

Để phù hợp với chủ trương thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam trong giai đoạn mới theo Quyết định số 843/QĐ-TTg ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027 (NAP Việt Nam), các tổ chức đại diện doanh nghiệp cần thể hiện vai trò của mình trong việc thực hiện các hoạt động hướng dẫn doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm, đồng thời kịp thời xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện NAP Việt Nam, chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp thành viên thực hiện NAP Việt Nam; tập huấn nhằm

nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cho cơ quan, tổ chức có liên quan và doanh nghiệp, người dân về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm;

2. Nâng cao hơn nữa vai trò của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc thúc đẩy doanh nghiệp hội viên thực hành kinh doanh có trách nhiệm thời gian tới

Xuất phát từ vị trí quan trọng của cộng đồng doanh nghiệp là động lực phát triển của nền kinh tế, động lực của sự phát triển đất nước, việc thúc đẩy doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm góp phần tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó có các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Trong thời gian tới, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

Một là, đẩy mạnh hơn nữa việc hướng dẫn doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm, khuyến khích xây dựng các quy chế tự khắc phục và phòng ngừa trong nội bộ doanh nghiệp (bao gồm: Thủ tục và nguyên tắc giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp, các quy chế, quy tắc về quản trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh dưới hình thức các bộ quy tắc ứng xử nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm). Đối với cộng đồng doanh nghiệp, cần thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm với việc xây dựng cơ chế, kế hoạch của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng. Đồng thời, xây dựng cơ chế tự khắc phục và phòng ngừa, như thủ tục và nguyên tắc giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp, quy chế và quy tắc về quản

trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh. Xây dựng các phương án thực hành tiết kiệm theo quy định của pháp luật và xu hướng của quốc tế.

Hai là, hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp bằng những hoạt động cụ thể như: (i) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh mới cho người quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp, đặc biệt quan tâm giới thiệu các quy định mới liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; (ii) Giải đáp, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp thông qua Trung tâm tư vấn pháp luật; (iii) Giải đáp, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp bằng văn bản, trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, thông qua mạng điện tử; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp



Nguồn: Bùi Huyền

trong bối cảnh chuyển đổi số.

Ba là, tiếp tục làm tốt chức năng là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp trong hoàn thiện và thực thi pháp luật. Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tổ chức các diễn đàn, đối thoại để nghe đại diện doanh nghiệp góp ý, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, nhất là văn bản liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Bốn là, tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp thành viên thực hiện Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam; thường xuyên, kịp thời tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình trong phạm vi ngành, nghề, lĩnh vực, địa bàn.

Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm, tạo chuyển biến cơ bản về nhận thức pháp luật, ý thức tìm hiểu, tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, phòng chống rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp, góp phần tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội, đồng thời bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người lao động, người tiêu dùng hiện nay.

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG KHUYẾT TẬT, NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ DOANH NGHIỆP CẦN QUAN TÂM VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

ThS. Vũ Hải Việt
Tạp chí Dân chủ và Pháp luật



Ảnh: Lao động khuyết tật
Nguồn: Internet

1. Dẫn nhập

Quyền lao động và việc làm là quyền thiêng liêng, cao quý của con người, đã được cộng đồng quốc tế và các quốc gia công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm. Đối với người khuyết tật, quyền lao động và việc làm lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn, bởi lẽ, nếu quyền này được tôn trọng và bảo đảm thì mới tạo ra cơ hội thực tế để người khuyết tật có thể tiếp cận, hoà nhập, bình đẳng với mọi người trong cộng đồng xã hội. Việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật phải được thực hiện theo nguyên tắc mọi

người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt đối xử, đồng thời có sự hỗ trợ, điều chỉnh hợp lý đối với người khuyết tật.

Luật Người khuyết tật năm 2010 ra đời là một bước tiến quan trọng trong việc thể chế hóa đầy đủ và toàn diện các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về người khuyết tật, cũng như khẳng định những bước đi cụ thể trong quá trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam, cho thấy Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, từng bước nội luật hóa các công ước quốc tế về

quyền con người, trong đó có Công ước của Liên Hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật năm 2006 (Việt Nam gia nhập Công ước này vào ngày 22/10/2007), nhằm tạo môi trường pháp lý, điều kiện, cơ hội bình đẳng, không rào cản đối với người khuyết tật theo hướng xây dựng các chính sách đối với người khuyết tật trên cơ sở tiếp cận và bảo đảm quyền của người khuyết tật; quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội trong việc xóa bỏ rào cản và bảo đảm các điều kiện để người khuyết tật hòa nhập xã hội như những người bình thường khác.

Bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật là việc thực hiện trách nhiệm của Nhà nước, xã hội nhằm tạo ra các điều kiện phù hợp để người khuyết tật có cơ hội tiếp cận, hưởng thụ quyền lao động và việc làm của mình một cách bình đẳng, không bị phân biệt đối xử. Với ý nghĩa như vậy, bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật bao hàm sự bảo đảm cả về mặt thể chế (xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật - bảo đảm pháp lý) và bảo đảm về mặt thực tế (thực hiện chính sách, pháp luật).

2. Chính sách và việc thực hiện chính sách bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, người khuyết tật là một trong những nhóm đối tượng xã hội được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm trong quá trình phát triển. Hỗ trợ người khuyết tật khắc phục khó khăn, hòa nhập xã hội, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước là trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, xã hội. Để tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ người khuyết tật, Nhà nước đã ban hành và từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật tạo hành lang pháp

lý toàn diện thực hiện mục tiêu hỗ trợ người khuyết tật trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các cơ quan nhà nước triển khai nhiều hoạt động trợ giúp người khuyết tật, tạo cơ hội bình đẳng nhằm đáp ứng tốt hơn quyền lợi chính đáng, hợp pháp, động viên để người khuyết tật phát huy năng lực, vươn lên hòa nhập, đóng góp cho xã hội¹.

Trong những năm qua, cùng với Luật Người khuyết tật, Bộ luật Lao động, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật như Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Việc làm, Luật Xây dựng, Luật Giao thông đường bộ, Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn, vệ sinh lao động... ghi nhận, bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật. Nhà nước cũng đã triển khai những đề án, kế hoạch nhằm trợ giúp người khuyết tật trong tiếp cận việc làm. Có thể kể đến một số văn bản quan trọng như Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (được phê duyệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009; Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020 (được phê duyệt theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1019/QĐ-TTg ngày 5/8/2012); Chỉ thị của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội số 3930/BLĐTBXH-TCDN ngày 21/10/2014 về nâng cao hiệu quả và chất lượng trong thực hiện mục tiêu dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật v.v.

Bảo đảm quyền làm việc cho người khuyết tật được quy định đầy đủ thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với lao động là người khuyết tật, điều này có ý nghĩa đặc biệt góp phần tích

¹ Nguyệt Hà, *Đảm bảo an sinh xã hội cho người khuyết tật*, <http://www.tapchibaohiemxahoi.gov.vn/vi/tin-chi-tiet-dam-bao-an-sinh-xa-hoi-cho-nguoi-khuyet-tat-a1e23449.aspx>



Lao động khuyết tật đang được các chuyên gia tư vấn về tâm lý tại Ngày hội việc làm
Ảnh: Bảo Nguyên

cực trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở sự ghi nhận của pháp luật về quyền lao động và việc làm của người khuyết tật, Nhà nước bảo trợ quyền lao động, tự tạo việc làm của người khuyết tật, khuyến khích và ưu đãi người sử dụng lao động tạo ra việc làm và nhận người lao động khuyết tật vào làm việc. Giải quyết việc làm cho người khuyết tật không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà là của toàn xã hội. Pháp luật quy định các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không được từ chối tuyển dụng người khuyết tật có đủ điều kiện vào làm việc hoặc hạn chế cơ hội làm việc của họ bằng cách đặt ra tiêu chuẩn tuyển dụng trái pháp luật. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động là người khuyết tật có trách nhiệm bố trí, sắp xếp công việc, bảo đảm môi trường và điều kiện làm việc phù hợp đối với người khuyết tật. Người sử dụng lao động phải tham khảo ý kiến lao động là người khuyết tật khi quyết định những vấn đề liên quan

đến quyền và lợi ích của họ. Tổ chức giới thiệu việc làm có trách nhiệm tư vấn, giới thiệu việc làm cho người khuyết tật. Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% trở lên tổng số lao động là người khuyết tật được hỗ trợ cải tạo điều kiện, môi trường làm việc phù hợp, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo dự án phát triển sản xuất, kinh doanh; được ưu tiên cho thuê đất, mặt bằng, mặt nước và miễn, giảm tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh theo tỷ lệ lao động là người khuyết tật, mức độ khuyết tật của người lao động và quy mô doanh nghiệp. Quỹ việc làm cho người khuyết tật được thành lập để cấp hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhận người khuyết tật làm việc, điều kiện vay, thời hạn vay, mức vốn vay và mức lãi suất vay thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng đối với dự án vay vốn giải quyết việc làm. Pháp luật còn quy định doanh nghiệp có sử dụng từ 10 người khuyết tật làm việc ổn định sẽ được hưởng ưu đãi

về cải tạo điều kiện, môi trường làm việc; ưu đãi về vay vốn ưu đãi theo dự án phát triển kinh doanh từ ngân hàng chính sách xã hội. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp sử dụng từ 10 người khuyết tật làm việc ổn định được hưởng chính sách về cải tạo điều kiện, môi trường làm việc².

Trên thực tế hiện nay, việc bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật tuy đã có nhiều tiến bộ, nhưng do những nguyên nhân khác nhau mà tình trạng người khuyết tật không có việc làm vẫn còn phổ biến, phân biệt đối xử với lao động là người khuyết tật vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi. Phần lớn công việc của lao động là người khuyết tật đang đảm nhiệm là những vị trí không thuộc diện chính thức của thị trường lao động, không đòi hỏi trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có thu nhập thấp, khó bảo đảm

cuộc sống, ít hoặc không có cơ hội thăng tiến. Chính sách pháp luật bảo đảm quyền lao động và việc làm của người khuyết tật vẫn còn những điểm chưa thực sự hợp lý. Chẳng hạn, đơn vị sử dụng ổn định từ 10 lao động là người khuyết tật trở lên được hỗ trợ, còn đơn vị sử dụng lao động là người khuyết tật làm việc ổn định dưới con số đó lại không được hưởng bất kỳ sự ưu đãi nào. Khoảng cách giữa 10 lao động là người khuyết tật và 30% tổng số lao động là người khuyết tật quá xa trong một số trường hợp. Có doanh nghiệp sử dụng số lượng lớn lao động là người khuyết tật nhưng chưa đạt tỷ lệ 30% không được hưởng chính sách ưu đãi, trong khi đó có doanh nghiệp sử dụng lao động là người khuyết tật ít hơn nhưng do tổng số lao động trong doanh nghiệp ít nên vẫn chiếm tỷ lệ 30% thì lại được hưởng chính sách ưu đãi. Điều này sẽ thiếu công bằng đối với các cơ sở, doanh nghiệp, đơn vị và không khuyến khích được người sử dụng lao động trong

2 Điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số: 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2022 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.



*Ảnh minh họa
Nguồn Internet*

việc sử dụng lao động là người khuyết tật. Một số quy định mang tính hỗ trợ, ưu đãi đối với người khuyết tật có thể gây phản tác dụng, tạo nên rào cản đối với chính người khuyết tật. Những quy định riêng biệt đối với lao động là người khuyết tật làm cho người sử dụng lao động có xu hướng tâm lý né tránh sử dụng lao động là người khuyết tật.

3. Một số vấn đề pháp lý doanh nghiệp cần quan tâm khi sử dụng lao động là người khuyết tật

Thứ nhất, không phân biệt đối xử giữa người khuyết tật và lao động khác: Khoản 1 Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2019 đặc biệt nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử trong lao động, trong đó có cả hành vi phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên tình trạng khuyết tật. Theo đó, người lao động cũng phải được tạo điều kiện làm việc, bảo đảm quyền lợi như bao người lao động khác.

Thứ hai, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho lao động khuyết tật: Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Người sử dụng lao động phải bảo đảm về điều kiện lao động, công cụ lao động, an toàn, vệ sinh lao động, đồng thời còn phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động là người khuyết tật”³. Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động khuyết tật ít nhất 06 tháng/lần⁴. Nếu không tổ chức khám sức khỏe định kỳ, người sử dụng lao động sẽ bị phạt từ 01 - 03 triệu đồng/người lao động khuyết tật nhưng với số tiền phạt tối đa là 75 triệu đồng.

Thứ ba, không bố trí lao động khuyết tật làm công việc nặng nhọc, độc hại: Bộ luật Lao động năm 2019 nghiêm cấm hành

vi sử dụng người lao động làm người khuyết tật làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Danh mục Nghề, công việc, nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm⁵ mà không có sự đồng ý của người khuyết tật sau khi đã được người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin về công việc đó⁶.

Như vậy, khi muốn sử dụng người lao động làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ thông tin về công việc đó cho người lao động khuyết tật biết. Sau khi đã nắm rõ thông tin mà vẫn đồng ý làm việc thì doanh nghiệp mới được phép sử dụng người lao động khuyết tật thực hiện các công việc đó.

Thứ tư, thời gian nghỉ trong năm của lao động khuyết tật: Theo quy của Bộ luật Lao động năm 2019 thì người lao động khuyết tật làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì hằng năm được nghỉ 14 ngày hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động⁷. Ngoài ra, cứ đủ 05 năm làm việc cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động khuyết tật được tăng thêm tương ứng 01 ngày⁸. Trường hợp chưa làm đủ năm, người lao động khuyết tật sẽ được nghỉ phép với số ngày tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc.

Thứ năm, chỉ sử dụng lao động khuyết tật làm thêm giờ khi họ đồng ý: Bộ luật Lao động năm 2019 nghiêm cấm hành vi: “Sử dụng người lao động là người khuyết 5 Ban hành kèm theo Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

6 Khoản 2 Điều 160 Bộ luật Lao động năm 2019.

7 Khoản 1 Điều 113 Bộ luật Lao động năm 2019.

8 Điều 114 Bộ luật Lao động năm 2019.

3 Khoản 1 Điều 159 Bộ luật Lao động năm 2019.

4 Điều 21 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015.

tật nhẹ suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên, khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, trừ trường hợp người lao động là người khuyết tật đồng ý⁹. Như vậy, những người khuyết tật nhẹ suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên, khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng chỉ phải làm thêm giờ, làm ban đêm nếu họ đồng ý. Nếu không có sự đồng ý của người lao động khuyết tật trên mà bố trí cho họ làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, người sử dụng lao động sẽ bị phạt từ 05 - 10 triệu đồng theo điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động (Nghị định số 12/2022/NĐ-CP).

4. Một số kiến nghị đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật đối với lao động là người khuyết tật

Để quyền lao động và việc làm của người khuyết tật được bảo đảm, cần phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về lao động và việc làm, thực hiện đồng bộ các biện pháp, trong đó nên chú trọng những vấn đề sau:

Một là, cần bảo đảm sự bình đẳng trong tiếp cận quyền lao động và việc làm cho mọi công dân, không phân biệt đối xử vì lý do khuyết tật, bảo đảm điều kiện lao động có tính phổ cập cho cả người khuyết tật và người không khuyết tật. Cụ thể hóa quy định về lao động là người khuyết tật trong Bộ luật Lao động năm 2019, hoàn thiện các quy định về chống phân biệt đối xử với người khuyết tật; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, áp

⁹ Khoản 1 Điều 160 Bộ luật Lao động năm 2019.

dụng nghiêm các chế tài; quy định hợp lý để thực sự khuyến khích người sử dụng lao động trong việc sử dụng lao động là người khuyết tật; đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, người sử dụng lao động nói chung trong việc bảo đảm việc làm đối với người khuyết tật. Có quy định riêng về thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi cho lao động là người khuyết tật.

Hai là, hoàn thiện chính sách pháp luật về khuyến khích doanh nghiệp nhận lao động khuyết tật vào làm việc để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của chính sách khuyến khích nhận lao động khuyết tật vào làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, nâng cao hiệu quả chính sách xã hội hóa việc bảo đảm quyền lao động và việc làm đối với người khuyết tật, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, các đơn vị, tổ chức, cá nhân phát huy tiềm năng, sáng kiến, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động nói chung và người khuyết tật nói riêng. Hiện nay, Luật Người khuyết tật hiện hành chưa quy định việc ưu đãi việc làm cho người khuyết tật là yêu cầu bắt buộc đối với các doanh nghiệp, mà chỉ quy định mang tính chất khuyến khích¹⁰, Chính vì vậy, doanh nghiệp sẽ tùy theo điều kiện, khả năng, nhu cầu của mình mà quyết định có nhận người khuyết tật vào làm việc hay không. Nếu doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật thì sẽ được hưởng các chính sách ưu tiên, còn nếu doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật thì cũng không cơ quan nhà nước nào có thể xử lý.

¹⁰ Khoản 1 Điều 35 Luật Người khuyết tật năm 2010 quy định: “Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhận người khuyết tật vào làm việc. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Điều 34 của Luật này”.

Ba là, hoàn thiện các quy định pháp luật về đào tạo nghề cho lao động khuyết tật nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề và học nghề. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về cơ chế, chính sách, lợi ích của doanh nghiệp khi tham gia đào tạo nghề cho lao động là người khuyết tật như các chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, vay vốn với lãi suất thấp, được ưu tiên cho thuê đất... để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các chính sách đó, cũng như khuyến khích doanh nghiệp nâng cao tinh thần tuyển dụng lao động khuyết tật vào làm việc. Sửa đổi quy định pháp luật về thời gian đào tạo từ 03 tháng nâng lên 06 tháng hoặc 01 năm tùy theo từng ngành nghề. Xây dựng chương trình học dành riêng cho đối tượng đặc biệt là người khuyết tật, trong đó có cả

chương trình dạy ngoại ngữ cho người khuyết tật. Thực hiện nghiên cứu sửa đổi các quy định về các ngành nghề trong chương trình giảng dạy sao cho phù hợp với thị trường lao động.

Bốn là, đa dạng hóa các hình thức giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cả xã hội và của chính những người khuyết tật về quyền lao động và việc làm của mọi công dân trong đó có quyền lao động và việc làm của người khuyết tật, về tinh thần, nội dung Công ước 159 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về tái thích ứng nghề nghiệp và việc làm của người có khuyết tật, 1983, Khuyến nghị số 168 về Phục hồi chức năng lao động và việc làm (Người khuyết tật) và trách nhiệm của Việt Nam với tư cách là thành viên của ILO và thành viên Công ước./.

BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

Ls. Nhà báo Trần Văn Chương

Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

ThS. Bùi Hoàng Lân

Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

1. Dẫn nhập

Những năm qua, công tác bảo vệ quyền lợi NTD ở nước ta đã có sự chuyển biến tích cực, các cấp, các ngành đã và đang có những hành động thiết thực nhằm bảo vệ ngày càng tốt hơn quyền lợi NTD. Việc tiếp nhận và giải quyết phản ánh của NTD của các cơ quan có chức năng bảo vệ quyền lợi của NTD cũng đã có những bước tiến bộ đáng kể¹. Trong điều kiện

1 Tính đến hết ngày 31/12/2020, Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng đã tiếp nhận được 1.428 phản ánh, yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của NTD, chủ yếu thông qua các phương thức như: Thư điện tử; Hệ thống tiếp nhận yêu cầu, kiến nghị, khiếu

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (NTD) không chỉ mang lại lợi ích tiêu dùng, mà còn thúc đẩy xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh của doanh nghiệp, cá nhân, tạo động lực quan trọng cho nền kinh tế phát triển ổn định.

Có thể nói, từ khi Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng được ban hành và đi vào cuộc sống đã tạo ra một bước ngoặt quan trọng trong hoạt động bảo vệ quyền lợi NTD ở Việt Nam. Luật này nại trực tuyến (tại địa chỉ: <http://khieunai.bvntd.gov.vn>) và qua đường bưu điện



Ảnh: bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khi mua sắm qua mạng

Nguồn: Internet

Thực hành kinh doanh có trách nhiệm và vấn đề pháp lý
doanh nghiệp nhỏ và vừa cần quan tâm

đã quy định rất rõ về quyền và nghĩa vụ của NTD; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với NTD; trách nhiệm của tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền lợi NTD; giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi NTD. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thi hành pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD thời gian qua còn rất nhiều bất cập. Mặc dù Luật Bảo vệ Quyền lợi người tiêu dùng đã được tuyên truyền rộng rãi, nhưng nhiều NTD chưa nhận biết đầy đủ được quyền lợi của mình khi đi mua sắm và quyền lợi chính đáng đó được pháp luật bảo vệ. Nhiều trường hợp NTD bị thiệt hại nhưng không biết phải hỏi ai, không biết khiếu nại ở đâu hoặc bỏ qua vụ việc vì cho rằng mức thiệt hại không lớn. Song chính việc không lên tiếng đó khiến người kinh doanh tiếp tục “móc túi” NTD. Bên cạnh đó, NTD hiện nay chưa quan tâm đến việc lấy hóa đơn, chứng từ, kiểm tra, xem xét hàng hóa trước khi nhận hàng. Bởi vậy, khi sự cố xảy ra không có cơ sở để giải quyết, nhiều NTD bị xâm phạm quyền lợi nhưng không biết phải làm gì nên chỉ im lặng chấp nhận. Trong quan hệ mua, bán, sử dụng hàng hóa, dịch vụ với các tổ chức, cá nhân kinh doanh, người tiêu dùng thường ở vị trí yếu thế hơn do còn hạn chế trong việc tiếp cận thông tin và nhận biết hàng hóa, dịch vụ kém chất lượng, tiềm ẩn nhiều rủi ro; đồng thời, cũng hạn chế trong hiểu biết các quy định của pháp luật để tự bảo vệ mình. Đặc biệt, khi việc mua bán hàng hóa trực tiếp có thể diễn ra hàng ngày, hàng giờ. Trong lĩnh vực bán hàng trực tiếp, thông thường, tổ chức, cá nhân kinh doanh sẽ phải tìm hiểu cũng như nghiên cứu được xu hướng, nhu cầu

của khách hàng, từ đó đưa ra những chiến lược tư vấn và thuyết phục khách hàng để họ lựa chọn hàng hóa, dịch vụ của mình rồi đưa ra quyết định mua hàng. Chính nhờ đặc tính giao tiếp trực tiếp giữa bên bán và bên mua như vậy nên nó đã trở thành một trong những lợi thế để tổ chức, cá nhân kinh doanh có thể nắm bắt được tâm lý của NTD. Bên cạnh những tích cực là đáp ứng được nhu cầu của NTD thì cũng đi kèm là những vi phạm của cá nhân, tổ chức kinh doanh thường xảy ra như: Vi phạm về chất lượng hàng hóa, vi phạm về thông tin của NTD, vi phạm về cung cấp bằng chứng giao dịch, vi phạm về bảo hành,... Những vi phạm về quyền lợi NTD trong bán hàng trực tiếp đang ngày càng gia tăng với mức độ nghiêm trọng, do nhu cầu mua bán, phục vụ đời sống của NTD ngày càng cao. Vì vậy, những vi phạm đạo đức trong sản xuất kinh doanh, cần lên án, đấu tranh chống lại, có những chế tài nghiêm khắc nhằm bảo vệ quyền lợi NTD trong bán hàng trực tiếp nói riêng và trong các ngành lĩnh vực kinh doanh khác nói chung để xây dựng xã hội phát triển lành mạnh vì lợi ích cộng đồng.

Trong phạm vi bài viết này tác giả nêu ra một số vụ việc điển hình, gian lận, xâm phạm đến quyền lợi của NTD trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trong những năm vừa qua, nghiên cứu một số quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD và trách nhiệm xã hội đối với doanh nghiệp, từ đó, có một số kiến nghị đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của NTD.

2. Một số vụ việc điển hình xâm phạm quyền lợi của người tiêu dùng trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trong thời gian vừa qua

Trong những năm qua, trên phạm vi cả nước đã xảy ra rất nhiều vụ việc gian lận thương mại, lừa dối khách hàng. Hàng năm, có khoảng gần 600 vụ việc khiếu nại về quyền lợi của NTD được gửi đến Sở Công thương của các tỉnh, thành phố, khoảng gần 100 vụ gửi đến Cục Quản lý cạnh tranh và tỷ lệ giải quyết thành công là trên 90%. Các vụ việc vi phạm bị phát hiện và xử lý chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực như an toàn thực phẩm, mỹ phẩm, điện tử, đo lường, sở hữu trí tuệ, quảng cáo,...², trong đó có những vụ việc vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của NTD. Đây là vấn đề gây bức xúc trong xã hội và là lực cản của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu chân chính trong tiến trình hội nhập. Tình trạng vi phạm về đo lường trong kinh doanh xăng dầu âm ỷ từ nhiều năm nay; hành vi và thủ đoạn của các cơ sở kinh doanh xăng dầu gian lận thường sử dụng để “móc túi” khách hàng như: Pha xăng kiếm lời, làm giả niêm chì xe bồn, gắn chip điện tử ở cột bơm nhằm làm sai lệch đồng hồ đo, chậm giảm giá bán, găm hàng nhằm trục lợi. Có thể kể đến một số vụ điển hình đã bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ và xử lý:

- Ngày 28/10/2010, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên xét xử sơ thẩm Nguyễn Thế Lộc sinh năm 1956, ở phố Cự Lộc, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Nguyễn Tuấn Quang sinh năm 1979 và Hoàng Văn Quý sinh năm 1979, cùng ở xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, về hành vi lừa dối khách hàng. Theo cáo trạng: Ngày 27/7/2010, doanh nghiệp tư nhân Hoàng Xuân Lộc kinh

2 Vô vàn khó khăn trong thực hiện Luật Bảo vệ người tiêu dùng, <https://www.vietnamplus.vn/vo-van-kho-khan-trong-thuc-hien-luat-bao-ve-nguoi-tieu-dung-post288517.vnp>

doanh xăng dầu ở địa chỉ xóm 7, đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm do Nguyễn Thế Lộc là chủ đã bị cơ quan điều tra bắt quả tang có hành vi gian lận xăng dầu bằng hình thức gắn chip điện vào cột bơm xăng để “móc túi” khách hàng, cơ quan điều tra xác định, số lượng xăng bán thiếu cho khách hàng có tỷ lệ là 7,16% đối với bình chuẩn 10 lít và 7,28% đối với bình chuẩn 20 lít. Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 26/7/2010, tại cột xăng số 2, cửa hàng đã bán được tổng cộng hơn 593.000 lít xăng. Như vậy, số xăng bị “ăn cắp” là gần 30.000 lít xăng, tương đương 494 triệu đồng. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử đã tuyên phạt Lộc 24 tháng tù, Quang 21 tháng tù về tội Lừa dối khách hàng. Riêng Quý bị tuyên phạt 18 tháng nhưng cho hưởng án treo .

- Tháng 11/2014, Công an tỉnh Nghệ An đã khởi tố, bắt giam Trần Lê Đức và đồng bọn, Trần Lê Đức là tác giả của con chip điện tử (IC) giả gắn trên rất nhiều các cây xăng từ để ăn bớt xăng dầu. Theo điều tra, kiểm tra hàng loạt trạm kinh doanh xăng dầu tại Nghệ An, cảnh sát bắt quả tang 11 cơ sở gắn chip điện tử (IC) giả tại các cột bơm để bớt xén từ 4 đến 11% lượng hàng bán cho khách. Quá trình điều tra xác định, thủ đoạn lắp đặt “*IC ăn bớt xăng*” của nhóm này rất tinh vi. Khác với IC thật, IC này chạy được hai chương trình “*đúng và sai*” với phương thức vận hành thuận lợi để đối phó cơ quan chức năng. Cơ quan điều tra đã chứng minh được nhóm tội phạm do Đức cầm đầu đã hoạt động hơn 06 năm nay, lắp cho nhiều cây xăng ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Định ...

- Ngày 24/12/2015, Đội quản lý thị trường số 14 (Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội) tiến hành kiểm tra ba cơ sở kinh doanh xăng dầu thuộc Công ty Cổ phần



*Ảnh: Kiểm tra cây xăng gian lận
(Nguồn: báo Pháp luật)*

xăng dầu chất đốt Hà Nội. Cụ thể, 3 cơ sở bị kiểm tra gồm cơ sở số 436 Trần Khát Chân (Hai Bà Trưng, Hà Nội), 249 Thụy Khuê (Tây Hồ, Hà Nội) và cây xăng Yên Viên (huyện Gia Lâm, Hà Nội). Tại hai cơ sở 436 Trần Khát Chân và cây xăng Yên Viên, lực lượng chức năng đã phát hiện các cơ sở này sử dụng điều khiển từ xa và chip điện tử gắn vào các cột bơm nhiên liệu để làm sai lệch lượng nhiên liệu nhằm gian lận trong kinh doanh xăng dầu. Đoàn kiểm tra đã bơm thử 20 lít xăng nhưng cây xăng chỉ cho ra 19 lít. Lực lượng quản lý thị trường đã thu giữ bộ điều khiển từ xa và 6 bộ chip điện tử được gắn vào các cột bơm nhiên liệu. Bằng thủ đoạn tinh vi này, từ tháng 4 năm 2014 đến thời điểm bị bắt cây xăng gian lận trên đường Trần Khát Chân đã ăn chặn được từ khách hàng số tiền lên tới 5 tỷ đồng. Con số gian lận ở cây xăng Yên Viên hiện vẫn đang được thống kê.

Ngày 29/12/2015, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng (PC 46) Công an thành phố Hà Nội đã

chính thức khởi tố vụ án hình sự xảy ra tại 2 cửa hàng xăng dầu thuộc công ty Cổ phần chất đốt Hà Nội (436 Trần Khát Chân) và cửa hàng kinh doanh xăng dầu Yên Viên, bắt 8 người liên quan về hành vi gian lận lượng xăng dầu để xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Sáng 31/12, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng Công an thành phố Hà Nội đã bắt khẩn cấp thêm 4 đối tượng trong vụ “móc túi” khách hàng tại 2 cơ sở kinh doanh xăng dầu của Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội. Trong đó, 2 đối tượng được xác định là người sản xuất và bán chip điện tử cho các cây xăng là Lê Đức Phong (39 tuổi, ở Long Biên, Hà Nội) và Ngô Đức Toàn (36 tuổi, ở Bắc Từ Liêm, Hà Nội), Hồ Trọng Tuấn (42 tuổi, Trưởng phòng thị trường Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội) và Nguyễn Bá Tùng (36 tuổi, nhân viên cửa hàng kinh doanh xăng dầu 436 Trần Khát Chân).

Qua một số vụ việc trên đây đã khẳng định thêm một sự thật đáng buồn là nhiều

năm qua, chúng ta chưa bao giờ tiêu diệt triệt để được tệ nạn ăn bớt xăng dầu của khách hàng; các biện pháp chống gian lận bao giờ cũng đi sau các hành vi gian lận. Nghĩa là, khi những kẻ gian lận xăng dầu đã “móc túi” khách hàng đủ rồi, “no bụng” rồi, chúng ta mới có thể phát hiện và có một vài biện pháp xử lý, tuy nhiên chưa thể xử lý dứt điểm được.

3. Quy định của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng

Bảo vệ quyền lợi NTD là vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD cũng rất phong phú và nằm trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Ngoài những quy định trong Luật Bảo vệ quyền lợi NTD, nội dung này còn được quy định trong Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Dược, Luật Điện lực, Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật An toàn thực phẩm, Luật Quảng cáo và các nghị định về xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực cụ thể...

- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì các doanh nghiệp và các cá nhân trên đã không thực hiện một trong những nghĩa vụ của doanh nghiệp, đó là phải: (i) Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; (ii) Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi cho khách hàng; (iii) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung

ứng; thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và NTD³. Những hành vi vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, thu hồi giấy phép kinh doanh, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường, doanh nghiệp và cá nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.

- Theo quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 thì các doanh nghiệp và cá nhân trên đã vi phạm điều cấm của Luật Bảo vệ NTD, đó là: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho NTD thông qua hoạt động quảng cáo hoặc che giấu, cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác...⁴

- Theo quy định của Bộ luật Hình sự thì người nào trong việc mua, bán mà cân, đong, đo, đếm, tính gian, đánh tráo loại hàng hoặc dùng thủ đoạn gian dối khác gây thiệt hại nghiêm trọng cho khách hàng thì có thể phạm Tội lừa dối khách hàng⁵. Ở những vụ việc gian lận trên, các chủ cây xăng, những người bán xăng gian lận, biết rõ cây xăng đã được cài IC giả, để thực hiện bớt xén xăng dầu và hưởng lợi từ hành vi bớt xén này, như vậy, họ có thể bị truy tố về Tội lừa dối khách hàng⁶.

Trong số các vụ việc trên có hai nhóm tội phạm và hai nhóm hành vi, cụ thể: (i) Nhóm tội phạm thứ nhất, bao gồm: Các chủ cây xăng và bán xăng, là những người trực tiếp lừa dối khách hàng để

³ Khoản 4, 5 và 6 Điều 9 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

⁴ Điều 10 Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010.

⁵ Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

⁶ Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).



Ảnh minh họa
Nguồn: Internet

chiếm đoạt tài sản; (ii) Nhóm tội phạm thứ hai, bao gồm: Những kẻ chế tạo và cài các IC giả để làm thay đổi định lượng các công cụ đo lường. Về hành vi, ở đây có hai hành vi rất rõ: (i) Hành vi thứ nhất là hành vi lừa dối chiếm đoạt tài sản của khách hàng; (ii) Hành vi thứ hai là chế tạo các IC giả tạo điều kiện để chiếm đoạt tài sản của khách hàng.

Chế tài và khung hình phạt cho tội lừa dối khách hàng được xử lý theo quy định tại Điều 198 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, có thể bị phạt tù từ 01 đến 05 năm, hoặc bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

- Theo quy định tại Điều 52 Luật Đo lường năm 2011 thì: Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật về đo lường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp vi phạm hành chính về đo lường có số tiền thu lợi bất chính trong suốt quá trình vi phạm lớn hơn mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực đo lường theo quy định của pháp

luật về xử lý vi phạm hành chính thì áp dụng hình thức phạt tiền với mức bằng từ 1 đến 5 lần số tiền thu lợi bất chính đó. Số tiền thu lợi bất chính phải bị tịch thu. Cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và thực hiện các quy định khác của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007 thì: Những cá nhân, doanh nghiệp trên đã mua bán sử dụng hàng hóa không rõ nguồn gốc, mua IC giả để lắp đặt thay thế IC thật làm thay đổi chất lượng định lượng của công cụ đo, không tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với hàng hóa, nhằm mục đích lừa dối chiếm đoạt tài sản của NTD.

Qua vụ những việc nêu trên cho thấy, mặc dù đã có rất nhiều biện pháp được đưa ra để phòng, chống nạn gian lận xăng dầu, nhưng trên thực tế các biện pháp đó chưa thực sự ngăn chặn được tệ nạn này. Nhiều năm qua, chúng ta đã xây dựng được hệ thống văn bản pháp luật quy định về kinh doanh xăng dầu (Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày



Ảnh: Tổng đài bảo vệ người tiêu dùng
Nguồn: Internet

03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ; Thông tư số 38/2014/TT-BCT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu)⁷ trong đó quy định trách nhiệm liên đới của cả hệ thống đối với việc ngăn chặn gian lận xăng giầu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp gần như không quản lý được các đại lý và cũng không có quyền trong việc kiểm tra, kiểm soát chống gian lận, thậm chí, các doanh nghiệp cũng không có điều kiện kỹ thuật để kiểm tra, kiểm soát. Các lực lượng quản lý thị trường, thanh tra khoa học công nghệ, công an, biên phòng, hải quan... có quyền và có điều kiện kỹ thuật thì lại quá mỏng, không thể thường xuyên kiểm tra. Chính vì vậy, tại Nghệ An, Hà Nội các cây xăng đã cài IC giả, ăn bớt xăng dầu đến 6 năm mà không ai phát hiện được, mà có phát hiện, nghi vấn thì cơ quan chức năng cũng không có biện pháp xử lý dứt điểm nên nhiều hành vi sai phạm diễn ra trong suốt cả một thời gian dài .

Cuộc đấu tranh chống gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu vừa là trách nhiệm, vừa là lợi ích chung của toàn xã hội, trong đó chú trọng vai trò phát hiện của mọi người dân và thông tin của các cơ quan thông tin đại chúng. Mặt khác, cần tăng cường cả về lực lượng lẫn quyền lực của các các ngành Quản lý thị trường, Thanh tra khoa học công nghệ, Công an, Biên phòng, Hải quan... cần sớm bổ sung chức năng điều tra cho các lực lượng này để có thể kịp thời phát hiện sai phạm. Thêm nữa, cần sớm tăng các chế tài xử phạt và tăng cường sử dụng các chế tài pháp luật, mạnh dạn đưa các hành vi gian đối với khách hàng ra xét xử

7 Trước đây là: - Thông tư số: 14/1999/TT-BTM ngày 07/7/1999 của Bộ Thương mại hướng dẫn về Điều kiện kinh doanh xăng dầu

theo quy định của Bộ luật Hình sự. Đó chính là những biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tệ nạn gian lận trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

4. Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng năm 2010 cần được hoàn thiện theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013

Qua hơn 10 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành (Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011), Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và văn bản quy phạm pháp luật liên quan... vẫn chưa được thực thi nghiêm túc trong đời sống. Các chế tài xử phạt của pháp luật còn thiếu và chưa thực sự đủ mạnh; các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thực thi pháp luật còn xử lý chưa nghiêm, chưa dứt điểm, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau... Hội bảo vệ NTD cũng chỉ tham gia với vai trò thương lượng khi có đơn khiếu kiện của NTD... Dường như "... bảo vệ quyền lợi NTD chưa trở thành trách nhiệm chung của cơ quan chức năng và toàn xã hội", thậm chí còn có quan điểm cho rằng: Nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi NTD là của Hội Bảo vệ quyền lợi NTD các cấp; chưa ý thức được rằng, bảo vệ quyền lợi NTD chính là bảo vệ nhân dân, bảo vệ con người, từ trẻ em cho đến người già, mọi tầng lớp trong xã hội, đồng thời góp phần bảo vệ các nhà sản xuất kinh doanh chân chính; chưa xem Hội là một tổ chức có nhiệm vụ tham gia công tác bảo vệ quyền lợi NTD là "*cánh tay nối dài*" của cơ quan nhà nước trong công tác quản lý và bảo vệ quyền lợi NTD... Bên cạnh đó, một phần cũng do NTD đã không hiểu luật, chủ quan không tự bảo vệ được mình, khi quyền lợi bị xâm phạm cũng không mấy mặn mà với việc khiếu nại, khiếu kiện, không nắm rõ quyền, nghĩa

vụ của mình đã được pháp luật ghi nhận và bảo vệ; khi bị xâm phạm cũng không biết kêu với ai, khiếu nại ở đâu. Do đó, lợi dụng những kẽ hở của pháp luật, sự thiếu hiểu biết, chủ quan của NTD, rất nhiều doanh nghiệp, cá nhân làm ăn phi pháp, thực hiện những hành vi xâm hại quyền lợi NTD.

Lúc sinh thời Bác Hồ đã từng nói: *“Việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh”*⁸. Nhà nước đã coi việc: *“Bảo vệ quyền lợi NTD là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội”*⁹, nhiệm vụ đó đã được ghi nhận và khẳng định hơn nữa tại Chương 2 - Hiến pháp năm 2013 về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Với việc đề cao quyền con người và trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân¹⁰. Lần đầu tiên hai chữ *“Nhân dân”* được viết hoa trong Hiến pháp cũng chính là nhằm khẳng định hơn nữa bản chất của *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”*¹¹. Theo đó: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; *“mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác”*, đó là: Quyền được sống, quyền được bảo vệ thân thể, tính mạng, sức khỏe. Khi phát hiện có những việc làm trái luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân... mọi người có quyền khiếu nại tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và có quyền được bồi thường về

thiệt hại do hành vi trái luật gây ra... các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận giải quyết khiếu nại, tố cáo... .

Ngày 15/3 hàng năm đã được coi là Ngày quốc tế Quyền của NTD (ra đời ngày 15/3/1960). Bởi vậy, bên cạnh việc NTD cần hiểu luật để tự bảo vệ mình, thì NTD và các doanh nghiệp hoạt động chân chính luôn hi vọng, tin tưởng Nhà nước và các cơ quan thực thi pháp luật bằng quyền lực, trách nhiệm của mình và những quy của Luật Bảo vệ quyền lợi NTD năm 2010 và các luật hiện hành khác (Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Sở hữu trí tuệ...) sẽ tìm lại sự công bằng và bảo vệ NTD không chỉ trong một ngày (15/3), mà trong suốt cả 365 ngày. Bên cạnh đó, các nhà làm luật cần căn cứ tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013 để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và các luật liên quan đến việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân, trong đó có Luật Bảo vệ quyền lợi NTD, để Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng - công cụ pháp lý của Nhà nước thực sự đi vào đời sống, thực sự phát huy được sức mạnh trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NTD và các doanh nghiệp kinh doanh chân chính.

5. Một số điểm mới của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)

Ngày 20/6/2023, với 466/472 phiếu tán thành, tương đương 93,72% đại biểu tham gia biểu quyết, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi), gồm 7 Chương, 80 Điều; Luật này, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

8 Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000 t.4, tr. 55.

9 Khoản 1 Điều 4 Luật Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng năm 2010.

10 Chương 2 Hiến Pháp năm 2013.

11 Điều 2 Hiến pháp năm 2013.



Ảnh: Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)

Nguồn: Internet

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 có một số quy định mới đáng chú ý như sau:

Một là, bổ sung quy định về người tiêu dùng dễ bị tổn thương.

Điều 8 của Luật quy định các đối tượng được coi là NTD dễ bị tổn thương gồm: Người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người dân tộc thiểu số; người sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, phụ nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người bị bệnh hiểm nghèo, thành viên hộ nghèo theo quy định của pháp luật. Đây là nhóm NTD có khả năng chịu nhiều tác động bất lợi về tiếp cận thông tin, sức khỏe, tài sản, giải quyết tranh chấp tại thời điểm mua hoặc sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh đó, Luật mới cũng quy định trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cá nhân

kinh doanh; trong đó, nổi bật là trách nhiệm áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp theo quy định của pháp luật phù hợp với từng đối tượng NTD dễ bị tổn thương.

Hai là, tăng quyền lợi và nghĩa vụ của người tiêu dùng.

Điều 4 của Luật quy định NTD có 11 quyền (tăng 03 quyền so với quy định tại Luật năm 2010). Cụ thể, Luật mới bổ sung các quyền: Được tạo điều kiện lựa chọn môi trường tiêu dùng lành mạnh và bền vững; được bảo vệ khi sử dụng dịch vụ công và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Cùng với đó, Luật cũng bổ sung một số nghĩa vụ của NTD như: Tuân thủ điều kiện, hướng dẫn vận chuyển, bảo quản, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; quy định về kiểm định, bảo vệ môi trường, tiêu dùng bền vững; chịu trách nhiệm về việc cung cấp không đúng, không đầy đủ thông tin về giao dịch giữa NTD với tổ

chức, cá nhân kinh doanh theo quy định pháp luật...

Ba là, thêm nhiều hành vi bị nghiêm cấm.

Luật mới đã bổ sung một số hành vi bị cấm đối với tổ chức, cá nhân bán hàng đa cấp; tổ chức, cá nhân kinh doanh thiết lập, vận hành, cung cấp dịch vụ nền tảng số như:

- Cấm thực hiện hành vi không thông báo trước, không công khai cho NTD việc tài trợ cho người có ảnh hưởng dưới mọi hình thức để sử dụng hình ảnh, lời khuyên, khuyến nghị của người này nhằm xúc tiến thương mại hoặc khuyến khích NTD mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- Cấm thực hiện hành vi ngăn cản NTD kiểm tra về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Cấm hành vi yêu cầu NTD phải mua thêm sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như là điều kiện bắt buộc để giao kết hợp đồng trái với ý muốn của NTD.

Bốn là, quy định mới về bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng.

Theo đó, Luật năm 2023 đã bổ sung thêm 02 đối tượng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu sản phẩm, hàng hóa bị lỗi, ảnh hưởng đến quyền lợi NTD thậm chí gây thiệt hại cho NTD là bên hoạt động trung gian thương mại và cá nhân, tổ chức khác có liên quan theo quy định.

Ngoài ra, bổ sung các trường hợp miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại gồm: Khi chứng minh được không thể phát hiện được sản phẩm, hàng hóa bị lỗi với trình độ khoa học, công nghệ của thế giới tính đến thời điểm sản phẩm, hàng hóa

gây thiệt hại; đã áp dụng mọi biện pháp thương lượng, hòa giải và đã được NTD tiếp nhận đầy đủ thông tin nhưng vẫn cố tình sử dụng sản phẩm, hàng hóa bị lỗi và gây ra thiệt hại...

Năm là, bổ sung trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng

Đó là trách nhiệm bảo đảm an toàn, đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho NTD; quy định cụ thể trách nhiệm bảo vệ thông tin của NTD và làm rõ thời hạn tính lại bảo hành trong trường hợp đổi mới sản phẩm, hàng hóa; bổ sung quy định về trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của NTD.

Sáu là, quy định về hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội

Luật mới đã mở rộng phạm vi các tổ chức tham gia bảo vệ quyền lợi NTD trên cơ sở khuyến khích, tạo điều kiện để tất cả các loại hình tổ chức tham gia. Cụ thể, Luật bổ sung sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội (bao gồm tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp) trong công tác bảo vệ quyền lợi NTD.

Trong đó, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi NTD bao gồm tổ chức xã hội có tôn chỉ, mục đích tham gia bảo vệ quyền lợi NTD (thường được biết đến là các Hội Bảo vệ quyền lợi NTD) và tổ chức xã hội khác tham gia bảo vệ quyền lợi NTD. Sự tham gia đa dạng, toàn diện của các tổ chức trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả thực thi bảo vệ quyền lợi NTD trên phạm vi cả nước./.

KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THỨC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Dương Minh Phúc

Hiệp Hội doanh nghiệp Tp Hồ Chí Minh



*Tôn vinh doanh nghiệp xanh
Nguồn: Internet*

TP. Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, là đầu tàu, động lực có sức thu hút và lan tỏa lớn trong vùng và cả nước. Theo thống kê, TP. Hồ Chí Minh có 286.336 doanh nghiệp (Trong đó có trên 92% doanh nghiệp có quy mô lao động nhỏ và siêu nhỏ), 465.348 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động với 4.729.917 lao động làm việc trong các thành phần kinh tế. Số người làm việc trong khu vực phi chính thức khá lớn, chiếm gần 1/3 số lao động tham gia hoạt động kinh tế. Số lượng doanh nghiệp và lực lượng lao động tham gia làm việc trong các thành phần kinh tế trên địa bàn Thành phố xếp vào hạng đông nhất cả nước¹.

1 Niên giám thống kê năm 2020: Số lượng DN chiếm 42,8%, số lao động chiếm 31,2% so với cả nước).

Với những chủ trương và chính sách mà Chính phủ và Trung ương dành cho Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành trong thời gian vừa qua, TPHCM đang cụ thể hóa và có những chính sách đặc thù để giúp cho doanh nghiệp vượt qua khó khăn trước mắt và tiếp tục phát triển. TP Hồ Chí Minh đã và đang tập trung nguồn lực triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết 98 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố. Với tinh thần đồng tâm hiệp lực, tâm thế sẵn sàng, thành phố đang khẩn trương và sớm cụ thể hóa từng cơ chế, chính sách nhằm giữ vững vai trò đầu tàu phát triển kinh tế - xã hội, là cực tăng trưởng, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân thành phố, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước. Theo đó, TP Hồ Chí Minh cũng đang khẩn trương hoàn thiện khung chiến lược phát triển xanh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm xây dựng thành phố trở thành đô thị văn minh, hiện đại, nghĩa tình, là điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư.

Đối với trách nhiệm thúc đẩy doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Hiện nay, TP Hồ Chí Minh cũng đã nhận thức rằng, sự phát triển kinh tế truyền thống không còn là lựa chọn tối ưu nên bắt buộc phải chuyển hướng kiến tạo sang một hành trình mới, một hành trình tăng trưởng xanh với một tầm nhìn, tương lai bền vững với mục tiêu kép về tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.



*Tuyên dương chủ doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh
Nguồn: Internet*

Trong phạm vi bài viết, xin điểm lại một số hoạt động có thể coi đó là điểm sáng trong việc thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm trên địa bàn thành phố đã và đang được triển khai trong cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân và nhận được sự hết sức hưởng ứng, biểu dương, xứng đáng với tên gọi thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

1. Thành phố đưa thêm các chỉ số mới liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm vào việc đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở - ban, ngành và địa phương năm 2023

Phát huy kết quả bước đầu của việc khảo sát đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở - ban, ngành và địa phương (DDCI) năm 2022, bước sang năm 2023, UBND TPHCM tiếp tục triển khai đánh giá DDCI. Bộ chỉ số DDCI 2023 đã được TP tham vấn và ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp từ các DN, các chuyên gia, tư vấn độc lập để đảm bảo được tính toàn

diện, đa chiều từ góc nhìn của nhiều bên. Bộ chỉ số DDCI 2023 đã có sự chất lọc từ những tiêu chí cũ, gắn với từng ngành, từng lĩnh vực của DN. Đặc biệt, là Bộ chỉ số năm nay đề xuất tiêu chí mới (như chỉ số xanh, chỉ số sức khỏe và môi trường, tính công khai minh bạch trong tiếp cận thông tin). TP kỳ vọng những tiêu chí mới này sẽ góp phần nâng cao nhận thức của toàn hệ thống chính trị TP và cộng đồng DN về phát triển bền vững, cụ thể bộ chỉ số DDCI năm 2023 gồm 10 chỉ tiêu. Trong đó nhiều chỉ số mới được bổ sung, như chỉ số “Tiếp cận minh bạch thông tin và chuyển đổi số” (gộp 2 chỉ số cũ của năm 2022), “chỉ số xanh”, “chỉ số sức khỏe và môi trường”...; Trong đó, chỉ số xanh được tham chiếu theo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 và định hướng thúc đẩy kinh tế xanh của lãnh đạo TPHCM. Chỉ số sức khỏe và môi trường tham chiếu thông lệ quốc tế và định hướng xây dựng TPHCM thành Trung tâm Tài chính quốc tế.

Cách đánh giá chỉ số DDCI của

TP.HCM cũng có điểm mới, có đội ngũ những chuyên gia tham gia, đồng thời thể hiện tính công khai, khách quan, độc lập. Hội đồng phải chịu trách nhiệm với kết quả đó. Một điểm quan trọng là khi đã đưa ra kết quả rồi thì giải quyết được tồn tại của năm trước, tức là sẽ lắng nghe thêm ý kiến của nhiều những DN, những nhà đầu tư chiến lược của TP, đưa ra những nhận định quan trọng mang tính khái quát để giúp cho TP có định hướng phát triển trong tương lai và trên nền đó đưa ra những nhận định cụ thể. TP hy vọng rằng có được bảng báo cáo đánh giá, phân tích, chỉ ra những khuyết điểm và khuyến nghị cách thức giải quyết.

2. Thành phố luôn nỗ lực quan tâm chăm lo đời sống của người lao động bằng những việc làm thiết thực và sẻ chia, xem công nhân lao động là vốn quý của doanh nghiệp để cùng nhau phát triển doanh nghiệp bền vững.

Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm, quan hệ lao động, hàng năm trong mỗi dịp kỷ niệm ngày truyền thống của các sở ngành hoặc dịp tết đến xuân về, UBND TPHCM đã chỉ đạo Sở LĐTBXH phối hợp với Liên đoàn Lao động Thành phố, Bảo hiểm xã hội Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp - Khu công nghệ cao, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố, cùng UBND các quận, huyện, TP Thủ Đức để triển khai ký kết thực hiện các chương trình hợp tác chăm lo, hỗ trợ người lao động với tinh thần “đồng hành cùng doanh nghiệp” – “Hội nhập để phát triển” với các nội dung chính như: phối hợp trong việc kịp thời tham gia giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, tập thể xảy ra trong khu chế xuất, khu công nghiệp

trên địa bàn nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên công đoàn và công nhân lao động; hỗ trợ tư vấn pháp luật cho đoàn viên công đoàn, công nhân lao động và doanh nghiệp đang hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp thực hiện đúng theo pháp luật và những quy định của địa phương, phối hợp tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tạo sân chơi lành mạnh nâng cao đời sống tinh thần cho đoàn viên công đoàn, công nhân lao động tại doanh nghiệp, khu lưu trú và các khu nhà trọ.

Hàng năm, UBND thành phố chỉ đạo Hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể tổ chức tuyên dương chủ doanh nghiệp có các chế độ chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân lao động. Thông qua hoạt động bình xét, tôn vinh những chủ doanh nghiệp được tôn vinh hàng năm là những chủ doanh nghiệp không ngừng nâng cao trình độ quản lý, năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo dựng thương hiệu hàng hóa Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế. Đồng thời, luôn tôn trọng luật pháp; quan tâm chăm lo đời sống cho người lao động, xem công nhân lao động là vốn quý của doanh nghiệp; xây dựng văn hoá kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp;

Ngoài ra, Liên đoàn lao động thành phố cũng chỉ đạo các cấp công đoàn thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình dư luận xã hội trong đoàn viên công đoàn, công nhân lao động, đang cư trú ở địa bàn dân cư, khu nhà trọ để phối hợp với các ngành chức năng giải quyết những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động. Công đoàn các Khu chế xuất và Công nghiệp TP tích cực triển khai các chương

trình hoạt động trong khu chế xuất, khu công nghiệp nhằm chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp cho đoàn viên công đoàn, công nhân lao động. Bên cạnh đó, phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp thành phố và các Hiệp hội ngành hàng tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, tư vấn và giải quyết tranh chấp lao động trong khu chế xuất, khu công nghiệp; triển khai các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho đoàn viên công đoàn, công nhân lao động; Bên cạnh đó, phối hợp các doanh nghiệp ký kết phúc lợi đoàn viên, tổ chức các điểm bán hàng bình ổn giá tại các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu lưu trú và các khu nhà trọ; phối hợp tổ chức các hoạt động liên quan đến công tác đảm bảo an ninh, trật tự các khu chế xuất, khu công nghiệp.

3. Chuyển đổi Xanh sẽ là cơ hội để doanh nghiệp Thành phố “đi tắt, đón đầu,” vượt qua thách thức và bắt kịp được đà phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang phát triển như vũ bão trên toàn cầu.

Mặc dù, Nhiều năm qua, trên địa bàn Thành phố đã có nhiều doanh nghiệp trên địa bàn chủ động đầu tư xử lý chất thải, nước thải; sử dụng nguyên liệu và quy trình thân thiện với môi trường cho hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Ý thức đóng góp trong bảo vệ môi trường sống của quốc gia và trách nhiệm về sản phẩm với người tiêu dùng trong doanh nghiệp ngày càng được nâng cao. Qua đó, nhiều doanh nghiệp đã lấy tôn chỉ kinh doanh có trách nhiệm với môi trường để xây dựng thương hiệu và phát

triển bền vững.

Để động viên tinh thần đó, UBND Thành phố đã tổ chức giải thưởng “Doanh nghiệp Xanh” được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh duy trì thường niên. Với việc xét chọn và trao Danh hiệu “Doanh nghiệp Xanh” mục đích để kết nối cộng đồng doanh nghiệp chia sẻ về những thông tin liên quan đến các rào cản kỹ thuật xanh đang được áp dụng phổ biến tại thị trường trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, khuyến khích DN có giải pháp hỗ trợ phù hợp thực hiện chuyển đổi sản xuất xanh, tăng cường năng lực cạnh tranh hướng tới phát triển bền vững. Thông qua việc trao Danh hiệu Doanh nghiệp Xanh Thành phố Hồ Chí Minh, UBND Tp HCM mong muốn tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, bảo đảm quyền, trách nhiệm, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số nhằm bắt kịp xu hướng tăng trưởng xanh đang lan tỏa mạnh mẽ trên toàn cầu.

Thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh để phát triển nhanh và bền vững vừa là yêu cầu, vừa là mục tiêu của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan trong các hoạt động này là trách nhiệm của cả Nhà nước, DN và xã hội. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 của Việt Nam đã khẳng định quan điểm “*coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển*”

Để thực hiện mục tiêu đó, Tp Hồ Chí Minh luôn đi đầu trong việc định hướng, khuyến khích thúc đẩy doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm và đã đạt được những dấu mốc quan trọng,

hiều ý nghĩa. Tuy nhiên, để tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch hơn, ngoài sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các cấp chính quyền Thành phố, thì sự chủ động, chung tay, hành động tập thể của cộng đồng doanh

nh nghiệp sẽ có ý nghĩa quyết định giúp tiết kiệm thời gian, nguồn lực; tạo ra những tác động mang tính lan tỏa cao hơn, thúc đẩy nhanh hơn đưa các chủ thể hướng đến chuẩn mực phát triển văn minh vì con người vì môi trường bền vững.

CHỈ SỐ KINH DOANH LIÊM CHÍNH VÀ NHỮNG ĐIỀU DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

ThS. Bùi Thị Huyền
Tạp chí Dân chủ và Pháp luật



Ảnh minh họa
Nguồn: Internet

1. Kinh doanh liêm chính - Vai trò và sự cần thiết

Thời gian qua, những thành tựu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, nhiều doanh nhân, doanh nghiệp đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách bằng tài năng, ý chí để làm giàu cho cá nhân và góp phần to lớn cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, gần đây, nhiều vụ án lớn về kinh tế với những tội danh tham nhũng, gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước nhiều nghìn tỷ đồng cùng sự đổ vỡ của không ít doanh nghiệp đã và đang dấy lên những

hỏi chuông cảnh báo rất đáng lo ngại về vấn đề liêm chính trong hoạt động kinh doanh. Có thể thấy, sự thiếu liêm chính hay sự vi phạm các chuẩn mực liêm chính trong hoạt động kinh doanh, trong văn hóa doanh nghiệp ở nước ta hiện nay đã và đang cản trở sự phát triển kinh tế, làm chệch định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường mà chúng ta đang đẩy mạnh xây dựng. Thực trạng đó đòi hỏi cần có những giải pháp mang tính đồng bộ với ba chủ thể cơ bản là cơ quan nhà nước, cộng đồng xã hội và tầng lớp doanh nhân để bảo đảm chuẩn mực liêm chính trong kinh doanh, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Bảo

đảm nguyên tắc, chuẩn mực liêm chính trong kinh doanh là trách nhiệm, nghĩa vụ chung của cả xã hội.

Liêm chính là phẩm chất, chuẩn mực đạo đức và luân lý cơ bản, hàng đầu của mỗi cá nhân và cộng đồng trong đời sống xã hội. Nó là nguyên tắc quan trọng nhất quy định sự hành xử của con người trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, không chỉ trong chính trị mà còn cả trong kinh tế. Đặc biệt, trong nền kinh tế thị trường, nguyên tắc liêm chính được giới kinh doanh và doanh nghiệp hết sức đề cao. Trong Tuyên bố của nhà doanh nghiệp châu Âu, Bắc Mỹ và Nhật Bản tại cuộc đàm phán Caux được tổ chức ở Thụy Sĩ của các về quy tắc đạo đức kinh doanh có 13 quy tắc cụ thể đã thể hiện tinh thần liêm chính. Trong đó, Quy tắc thứ 3 quy định: *“Hành vi của doanh nghiệp, không chỉ dừng lại ở việc thực hiện đúng các văn bản pháp luật mà phải hướng tới một tinh thần có trách nhiệm. Khi chấp nhận tính hợp pháp của các bí mật thương mại, các doanh nghiệp cũng cần nhận thức rằng sự chân thành, ngay thẳng, trung thực, biết giữ lời hứa và minh bạch không chỉ góp phần xây dựng uy tín và sự ổn định của mình mà còn tạo ra sự suôn sẻ và hiệu quả của các giao dịch kinh doanh, đặc biệt là trên thương trường quốc tế”*¹. Như vậy, nguyên tắc liêm chính không chỉ bảo đảm cho các doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững mà còn góp phần phát triển nền thương mại quốc tế.

Đối với chủ thể kinh doanh, liêm chính điều chỉnh hành vi kinh doanh phù hợp với mục đích kinh doanh chân chính (vì lợi ích của cá nhân và cộng đồng), tạo dựng nhân cách tốt đẹp cho họ (nhân cách doanh nhân) được xã hội tôn vinh, PGS.TS. Dương Thị Liễu (Chủ biên), *Giáo trình Văn hóa kinh doanh*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2011, tr. 153.

yêu mến và ca ngợi. Đối với nhân viên trong công ty, doanh nghiệp, liêm chính giúp cho họ tận tụy, trung thành với công ty, doanh nghiệp, hoàn thành công việc, đoàn kết với nhau, góp phần phát triển doanh nghiệp bền vững, nâng cao đời sống của mình và lợi nhuận của chủ doanh nghiệp. Đối với chủ đầu tư, liêm chính giúp họ có sự định hướng đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chính đáng và vào các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính; đồng thời, liêm chính cũng giúp cho họ có những yêu cầu đúng mực đối với người kinh doanh, chia sẻ thuận lợi, khó khăn giúp cho doanh nhân yên tâm trong việc ổn định, phát triển lâu dài công việc kinh doanh. Đối với các đối tác và đối thủ cạnh tranh, liêm chính giúp cho họ có ý thức tuân thủ những cam kết hợp tác kinh doanh vì lợi ích của nhau, của xã hội và cạnh tranh lành mạnh, trung thực không nhằm triệt hạ đối thủ và độc quyền, độc chiếm thị trường... Như vậy, liêm chính là phẩm chất cơ bản của đạo đức kinh doanh, văn hóa kinh doanh (theo nghĩa tích cực); liêm chính có tác động to lớn đối với hoạt động kinh doanh, với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Suy rộng ra, liêm chính cũng góp phần vào sự phát triển bền vững nền kinh tế của mọi quốc gia và nền kinh tế toàn cầu. Đặc biệt, trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, liêm chính còn củng cố mối quan hệ hợp tác, đầu tư, liên doanh, liên kết kinh tế của các quốc gia, các khu vực; bảo đảm tính bền vững của các thỏa ước kinh tế giữa các nước và của các tổ chức quốc tế. Liêm chính bảo đảm cho sự phát triển kinh tế của các nước và của thế giới ổn định lâu dài; đem lại sự tin cậy giữa các doanh nghiệp hợp tác với nhau, giữa các nền kinh tế là đối tác của nhau nhờ sự minh bạch, thẳng thắn,



*Chỉ số VBII lần đầu tiên được giới thiệu bởi VCCI và UNDP
Ảnh: VGP/HT*

thiện chí và đôi bên cùng có lợi. Không một doanh nghiệp hay một tập đoàn kinh tế nào lại đầu tư vào một nền kinh tế thiếu minh bạch, thiếu liêm chính khi họ chủ trương làm ăn nghiêm túc, lâu dài. Các hoạt động gian lận thương mại, trốn thuế, xuất, nhập khẩu hàng cấm... trên thương trường quốc tế thời gian gần đây đều liên quan đến đạo đức kinh doanh, vi phạm các chuẩn mực liêm chính, trung thực trong kinh doanh, làm ảnh hưởng đến hoạt động của một bộ phận doanh nghiệp, tập đoàn, thậm chí ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của quốc gia. Thực trạng này cũng xảy ra trong nền kinh tế nước ta và Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương đang hết sức quan ngại, nỗ lực tìm giải pháp khắc phục².

2. Chỉ số kinh doanh liêm chính Việt Nam

Hướng tới nền kinh tế và doanh nghiệp

² <https://www.tapchicongsan.org.vn>

phát triển bền vững, tính liêm chính trong kinh doanh là vấn đề được dư luận xã hội quan tâm rộng rãi. Theo đó, ngày 21/9/2022, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã phối hợp cùng Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam giới thiệu bộ Chỉ số Kinh doanh liêm chính Việt Nam (VBII). Chỉ số Kinh doanh liêm chính Việt Nam được xây dựng dưới sự hỗ trợ của Dự án FairBiz - một sáng kiến cấp khu vực của Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc do Chính phủ Vương Quốc Anh tài trợ, trong khuôn khổ Chương trình cải cách kinh tế ASEAN, nhằm thúc đẩy một môi trường kinh doanh công bằng ở 06 quốc gia ASEAN, bao gồm: Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippines, Thái Lan và Việt Nam.

Chỉ số Kinh doanh liêm chính Việt Nam dựa trên những yếu tố cần thiết để xây dựng và vận hành một doanh nghiệp, bao gồm: Văn hoá, quy tắc ứng xử, kiểm soát, giao tiếp, ứng xử, tuân thủ và chứng

nhận đạt chuẩn. Chỉ số Kinh doanh liêm chính Việt Nam được khuyến nghị dành cho các doanh nghiệp ở Việt Nam thuộc mọi quy mô, hình thức sở hữu, lĩnh vực và cơ cấu, công ty niêm yết, công ty tư nhân trong nước, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, hay công ty có vốn Nhà nước. Nói một cách khác, bất kỳ doanh nghiệp nào quan tâm đến kinh doanh liêm chính và coi tính liêm chính trong kinh doanh là nguyên tắc cơ bản cho sự phát triển của doanh nghiệp đều có thể sử dụng chỉ số này.

Kinh doanh liêm chính nghĩa là hoạt động một cách công bằng, minh bạch, cởi mở và toàn diện trên các khía cạnh đạo đức, đa dạng hoà nhập, tôn trọng quyền con người, chống tham nhũng và phát triển bền vững. Trong vận hành, kinh doanh liêm chính tuân theo nguyên tắc điều tra, khảo sát để nhân viên thoải mái đưa ra câu trả lời trung thực. Khảo sát tính liêm chính được sử dụng như một công cụ nhìn về tương lai trong thực hiện biện pháp chủ động và phòng ngừa. Theo đó, nâng cao tính liêm chính doanh nghiệp không phải là phương tiện để chống lại nhau trong kinh doanh.

Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự liêm chính là những yếu tố chính để xác định quản trị tốt và khẳng định sự tồn tại của môi trường kinh doanh công bằng ở bất kỳ quốc gia nào. Trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch Covid-19, ngày càng nhiều các nhà đầu tư và người tiêu dùng quan tâm đến tầm quan trọng của quản trị tốt. Điều này được phản ánh trong việc các Chính phủ và sàn giao dịch chứng khoán khuyến khích các doanh nghiệp báo cáo về hoạt động phi tài chính của họ. Một ví dụ về xu hướng này là Chỉ thị thẩm định tính bền vững doanh nghiệp của Liên minh Châu Âu (EU),

cũng như các luật liên quan của EU và các thành viên EU. Việc công khai thông tin ngoài việc mang tính chất quan trọng, cần phải được tin tưởng là chính xác và công bằng.

Để Việt Nam tiếp tục thu hút được các khoản đầu tư có chất lượng, mức độ tham nhũng thấp và nâng cao mức độ minh bạch là rất quan trọng. Trong đó, ứng xử của các doanh nghiệp có thể là một yếu tố có tác động tích cực hoặc tiêu cực tới mức độ tham nhũng trong nước.

3. Những vấn đề doanh nghiệp Việt Nam cần biết để thực hiện kinh doanh liêm chính

Việt Nam ngày càng thể hiện mạnh mẽ cam kết và dành nhiều nỗ lực cho phòng chống tham nhũng. Những chính sách ban hành về công khai, minh bạch, liêm chính đối với doanh nghiệp đã tác động trực tiếp đến mức độ liêm chính của doanh nghiệp trên thị trường. Theo đó, doanh nghiệp Việt Nam cần biết và thực hiện những nội dung cơ bản sau đây để thực hiện kinh doanh liêm chính:

Một là, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về thực hiện kinh doanh liêm chính. Trên thực tế, các doanh nghiệp ngày càng nhận ra giá trị và lợi ích của sự liêm chính trong kinh doanh. Kinh nghiệm từ nhiều doanh nghiệp đặt tính liêm chính trong kinh doanh lên hàng đầu cho thấy, họ được hưởng lợi từ sự quan tâm và đánh giá cao của các nhà đầu tư, nhà cung cấp, người mua và khách hàng. Đây là một lợi thế đã được chứng minh rõ ràng cho những công ty muốn tiếp cận thị trường quốc tế và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Chỉ số kinh doanh liêm chính là một bước tiến mới để đưa doanh nghiệp Việt Nam tiệm cận gần hơn với tiêu chuẩn

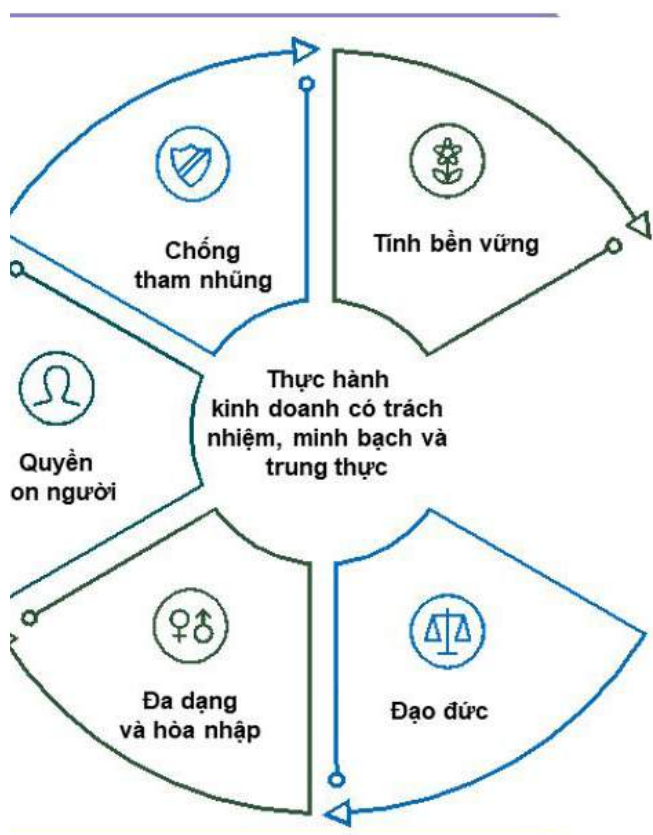
kinh doanh minh bạch, liêm chính của quốc tế; cũng như giúp doanh nghiệp không còn mơ hồ, lúng túng trong việc lồng ghép tính liêm chính vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hai là, để thúc đẩy liêm chính trong hoạt động kinh doanh, tiến tới xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, để cao tính giải trình, những người đứng đầu doanh nghiệp cần chấp nhận việc kinh doanh liêm chính và tuân thủ pháp luật, coi đó là giá trị cốt lõi trong hoạt động của doanh nghiệp, đây cũng là thách thức mà bản thân mỗi doanh nghiệp phải vượt qua.

Tuy nhiên, chúng ta không thể thúc đẩy sự liêm chính trong kinh doanh một cách đơn độc. Nó là một phần không thể thiếu của hành vi kinh doanh có trách nhiệm.

Do đó, sự liêm chính trong kinh doanh đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện. Để tạo ra sự liêm chính, môi trường làm việc, người lao động, chuỗi cung ứng, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người tiêu dùng, cộng đồng với tư cách là các bên liên quan phải được tôn trọng. Các doanh nghiệp cần phải đạt được lợi nhuận bằng cách cải thiện môi trường hoạt động và đáp ứng các kỳ vọng tối thiểu của các bên liên quan.

Ba là, doanh nhân, doanh nghiệp - chủ thể thực hành đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp phải tự ý thức được việc giữ gìn chuẩn mực, nguyên tắc liêm chính trong “sự nghiệp” kinh doanh của mình cũng như sự tồn tại và phát triển bền vững của công ty, tập đoàn... Sự nghiệp kinh doanh của doanh nhân



5 KHÍA CẠNH CỦA KINH DOANH LIÊM CHÍNH

Kinh doanh liêm chính nghĩa là hoạt động một cách công bằng minh bạch, cởi mở và toàn diện bao gồm 5 khía cạnh

Ảnh minh họa
Nguồn: Internet

thành công lâu bền phải đặt trên nền tảng nguyên tắc liêm chính. Tất cả kiểu kinh doanh chộp giật, lừa dối trước sau sẽ thất bại, thậm chí rơi vào vòng lao lý. Danh tiếng của doanh nhân, doanh nghiệp không chỉ ở sự giàu có, phát đạt mà còn ở phẩm giá tinh thần, đạo đức của mình.

Trong Thư gửi các giới Công thương Việt Nam (ngày 13/10/1945) Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Việc nước và

việc nhà bao giờ cũng đi đôi với nhau. Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng”³. Đó là đạo lý kinh doanh, là nghĩa vụ và là niềm vinh dự của các doanh nhân chân chính gắn với nguyên tắc, chuẩn mực liêm chính của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp - con đường dẫn tới thành công.

3 Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 53.

BẢN TIN ĐIỆN TỬ

**THỰC HÀNH
KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM
VÀ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
CẦN QUAN TÂM**